**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

**=============\*\*\*\*=============**

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

**ĐỀ TÀI CẤP BỘ**

**TÊN ĐỀ TÀI**

**NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TRONG NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP**

**Cơ quan chủ quản** : **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**Cơ quan chủ trì** : **Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT**

**Chủ nhiệm đề tài** : **TS. Hoàng Vũ Quang**

**Thời gian thực hiện** : **12/2013-12/2015**

**HÀ NỘI - 2016**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

**=============\*\*\*\*=============**

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

**ĐỀ TÀI CẤP BỘ**

**TÊN ĐỀ TÀI**

**NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TRONG NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP**

**Cơ quan chủ quản** : **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**Cơ quan chủ trì** : **Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT**

**Chủ nhiệm đề tài** : **TS. Hoàng Vũ Quang**

**Thời gian thực hiện** : **12/2013 - 12/2015**

**HÀ NỘI - 2016**

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Đơn vị công tác** |
| 1 | TS. Hoàng Vũ Quang | Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT |
| 2 | Ths. Nguyễn Tiến Định | Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT |
| 3 | Ths. Nguyễn Đình Chính | Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT |
| 4 | TS. Phạm Thị Ngọc Linh | Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT |
| 5 | Ths. Hoàng Minh Huy | Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT |
| 6 | Ths. Bùi Quang Nguyên | Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT |
| 7 | Ths. Vũ Thu Giang | Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT |
| 8 | KS. Lê Văn Hướng | Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT |
| 9 | CN. Lê Ánh Dương | Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT |
| 10 | CN. Tạ Văn Tưởng | Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT |

# MỤC LỤC

[DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT viii](#_Toc451659816)

[CÁC CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI x](#_Toc451659817)

[MỞ ĐẦU 1](#_Toc451659818)

[1. Đặt vấn đề 1](#_Toc451659819)

[2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài 2](#_Toc451659820)

[3. Câu hỏi nghiên cứu 2](#_Toc451659821)

[4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 3](#_Toc451659822)

[4.1. Đối tượng nghiên cứu 3](#_Toc451659823)

[4.2. Phạm vi nghiên cứu 3](#_Toc451659824)

[5. Tiếp cận nghiên cứu 3](#_Toc451659825)

[6. Địa điểm nghiên cứu 4](#_Toc451659826)

[6.1. Chọn tỉnh khảo sát 4](#_Toc451659827)

[6.2. Chọn huyện, xã khảo sát 4](#_Toc451659828)

[7. Đối tượng và số lượng mẫu khảo sát 4](#_Toc451659829)

[8. Phương pháp nghiên cứu 5](#_Toc451659830)

[8.1. Phương pháp thu thập thông tin 5](#_Toc451659831)

[8.2. Phương pháp phân tích 5](#_Toc451659832)

[CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HTX TRONG NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP 6](#_Toc451659833)

[1.1. Cơ sở lý luận về chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN 6](#_Toc451659834)

[1.1.1. Các khái niệm liên quan đến đề tài 6](#_Toc451659835)

[1.1.1.1. Khái niệm phát triển HTX và chính sách, giải pháp phát triển HTX trong NLNN 6](#_Toc451659836)

[1.1.1.2. Khái niệm, bản chất của HTX 7](#_Toc451659837)

[1.1.2. Phân loại HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp 8](#_Toc451659838)

[1.1.3. Vai trò của hợp tác xã trong phát triển nông nghiệp, nông thôn 8](#_Toc451659839)

[1.1.3.1. Vai trò của HTX đối với thành viên 8](#_Toc451659840)

[1.1.3.2. Vai trò của HTX đối với ngành nông nghiệp 9](#_Toc451659841)

[1.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTX trong NLNN và chính sách, giải pháp phát triển HTX trong NLNN 9](#_Toc451659842)

[1.1.4.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTNLNN 9](#_Toc451659843)

[1.1.4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN 10](#_Toc451659844)

[1.1.5. Nội dung và tiêu chí đánh giá chính sách, giải pháp phát triển HTX trong NLNN 10](#_Toc451659845)

[1.2. Cơ sở thực tiễn về chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN 10](#_Toc451659846)

[1.2.1. Kinh nghiệm thế giới về chính sách và giải pháp phát triển HTX NLNN 10](#_Toc451659847)

[1.2.2. Tổng quan chỉ tiêu đánh giá sự phát triển HTX trong NLNN 11](#_Toc451659848)

[1.2.2.1. Kinh nghiệm thế giới về đánh giá sự phát triển HTX 11](#_Toc451659849)

[1.2.2.2. Tổng quan kinh nghiệm của Việt Nam về đánh giá HTX 11](#_Toc451659850)

[1.3. Đề xuất chỉ tiêu đánh giá sự phát triển HTX NLNN và chính sách, giải pháp phát triển HTX NLNN trong nghiên cứu này 12](#_Toc451659851)

[1.3.1. Đề xuất chỉ tiêu đánh giá sự phát triển HTX trong NLNN 12](#_Toc451659852)

[1.3.2. Đề xuất chỉ tiêu đánh giá chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN 12](#_Toc451659853)

[CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HTX TRONG NLNN GIAI ĐOẠN 2002-2015 VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG 13](#_Toc451659854)

[2.1. Thực trạng phát triển HTX NLNN giai đoạn 2002-2015 13](#_Toc451659855)

[2.1.1. Thực trạng phát triển số lượng, cơ cấu và loại hình HTX NLNN 13](#_Toc451659856)

[2.1.2. Thực trạng phát triển về tổ chức của các HTX NLNN 13](#_Toc451659857)

[2.1.3. Thực trạng hoạt động của các HTX trong NLNN 14](#_Toc451659858)

[2.1.3.1. Trình độ cán bộ quản lý HTX NLNN 14](#_Toc451659859)

[2.1.3.2. Tài sản của HTX 14](#_Toc451659860)

[2.1.3.3. Nguồn vốn của HTX 15](#_Toc451659861)

[2.1.3.4. Loại hình dịch vụ HTX cung cấp 15](#_Toc451659862)

[2.1.3.5. Đối tượng sử dụng sản phẩm dịch vụ của HTX NLNN 16](#_Toc451659863)

[2.1.3.6. Kết quả doanh thu và lợi nhuận của HTX 16](#_Toc451659864)

[2.1.3.7. Cơ chế phân phối lợi nhuận của HTX 16](#_Toc451659865)

[2.1.4. Thực trạng hiệu quả hoạt động của các HTX NLNN 17](#_Toc451659866)

[2.1.4.1. Hiệu quả kinh tế của HTX 17](#_Toc451659867)

[2.1.4.2. Hiệu quả xã hội của HTX NLNN 18](#_Toc451659868)

[2.1.4.3. Phân kiểu HTX trong NLNN theo hiệu quả hoạt động 19](#_Toc451659869)

[2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển HTX trong NLNN 19](#_Toc451659870)

[2.2.1. Phân tích định tính các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển HTX trong NLNN 19](#_Toc451659871)

[2.2.1.1. Ảnh hưởng của các yếu tố nội sinh 19](#_Toc451659872)

[2.2.1.2. Ảnh hưởng của yếu tố ngoại sinh 20](#_Toc451659873)

[2.2.2. Phân tích định lượng các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTX trong NLNN 20](#_Toc451659874)

[CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HTX TRONG NLNN GIAI ĐOẠN 2002-2015 21](#_Toc451659875)

[3.1. Thực trạng khung khổ luật pháp về HTX trong NLNN 21](#_Toc451659876)

[3.1.1. Luật HTX năm 1996 21](#_Toc451659877)

[3.1.2. Luật HTX năm 2003 22](#_Toc451659878)

[3.1.3. Luật HTX năm 2012 22](#_Toc451659879)

[3.2. Thực trạng chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN 22](#_Toc451659880)

[3.2.1. Thực trạng chính sách ưu đãi phát triển HTX trong NLNN 22](#_Toc451659881)

[3.2.1.1. Chính sách ưu đãi tín dụng 22](#_Toc451659882)

[3.2.1.2. Chính sách ưu đãi giao đất, cho thuê đất đai 23](#_Toc451659883)

[3.2.1.3. Chính sách ưu đãi thuế 24](#_Toc451659884)

[3.2.2. Thực trạng chính sách hỗ trợ phát triển HTX trong NLNN 24](#_Toc451659885)

[3.2.2.1. Chính sách hỗ trợ, khuyến khích thành lập mới, tổ chức lại HTX 24](#_Toc451659886)

[3.2.2.2. Chính sách hỗ trợ bồi dưỡng, đào tạo 25](#_Toc451659887)

[3.2.2.3. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường 25](#_Toc451659888)

[3.2.2.4. Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới 25](#_Toc451659889)

[3.2.2.5. Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển KTXH 25](#_Toc451659890)

[3.2.2.6. Chính sách hỗ trợ khác đối với HTX NLNN 26](#_Toc451659891)

[3.3. Thực trạng tổ chức bộ máy QLNN đối với HTX NLNN 26](#_Toc451659892)

[3.4. Hạn chế, nguyên nhân hạn chế của chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN và QLNN đối với HTX trong NLNN 26](#_Toc451659893)

[3.4.1. Những hạn chế, nguyên nhân hạn chế của Luật và thực hiện Luật HTX 2012 26](#_Toc451659894)

[3.4.1.1. Những hạn chế của Luật và thực hiện Luật HTX năm 2012 26](#_Toc451659895)

[3.4.1.2. Các nguyên nhân hạn chế trong thực hiện Luật HTX 2012 27](#_Toc451659896)

[3.4.2. Những hạn chế, nguyên nhân hạn chế của chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN 28](#_Toc451659897)

[3.4.2.1. Những hạn chế của chính sách phát triển HTX NLNN 28](#_Toc451659898)

[3.4.2.2. Các nguyên nhân hạn chế của chính sách phát triển HTX trong NLNN 28](#_Toc451659899)

[3.4.3. Những hạn chế, nguyên nhân hạn chế trong QLNN đối với phát triển HTX NLNN 29](#_Toc451659900)

[3.4.3.1. Những hạn chế trong QLNN đối với phát triển HTX NLNN 29](#_Toc451659901)

[3.4.3.2. Các nguyên nhân hạn chế trong QLNN đối với phát triển HTX NLNN 29](#_Toc451659902)

[3.5. Khó khăn và nhu cầu chính sách hỗ trợ của các HTX NLNN 29](#_Toc451659903)

[3.5.1. Khó khăn của các HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp 29](#_Toc451659904)

[3.5.2. Nhu cầu chính sách của các HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp 30](#_Toc451659905)

[CHƯƠNG IV: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TRONG NLNN THỜI GIAN TỚI 31](#_Toc451659906)

[4.1. Quan điểm về chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN 31](#_Toc451659907)

[4.1.1. Quan điểm đối với pháp luật HTX 31](#_Toc451659908)

[4.1.2. Quan điểm về các chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN 32](#_Toc451659909)

[4.1.3. Quan điểm về quản lí Nhà nước đối với HTX trong NLNN 32](#_Toc451659910)

[4.2. Mục tiêu của chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN 33](#_Toc451659911)

[4.3. Hoàn thiện Luật HTX, các chính sách và giải pháp phát triển HTX, thực hiện QLNN đối với HTX trong NLNN 33](#_Toc451659912)

[4.3.1. Hoàn thiện Luật HTX nhằm thúc đẩy phát triển HTX trong NLNN 33](#_Toc451659913)

[4.3.2. Hoàn thiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển HTX trong NLNN 36](#_Toc451659914)

[4.3.2.1. Hoàn thiện các chính sách ưu đãi để phát triển HTX trong NLNN 36](#_Toc451659915)

[4.3.2.2. Hoàn thiện các chính sách khuyến khích phát triển HTX trong NLNN 37](#_Toc451659916)

[4.3.2.2. Hoàn thiện một số chính sách đối với hoạt động SXKD của HTX NLNN 39](#_Toc451659917)

[4.3.3. Hoàn thiện công tác QLNN nhằm phát triển HTX trong NLNN 43](#_Toc451659918)

[4.3.3.1. Củng cố bộ máy quản lý nhà nước về HTX nông nghiệp 43](#_Toc451659919)

[4.3.3.2. Nâng cao vai trò trách nhiệm của chính quyền địa phương 44](#_Toc451659920)

[4.3.3.3. Thiết lập hệ thống theo dõi đánh giá và hỗ trợ HTX NLNN 45](#_Toc451659921)

[4.3.3.4. Giải pháp tuyên truyền, khen thưởng các HTX thành công, mô hình điển hình 45](#_Toc451659922)

[4.4. Các điều kiện đảm bảo thực hiện thành công các chính sách và giải pháp đề xuất để phát triển HTX trong NLNN 45](#_Toc451659923)

[4.5. Kiến nghị 46](#_Toc451659924)

[4.5.1. Kiến nghị đối với Trung ương 46](#_Toc451659925)

[4.5.2. Kiến nghị đối với địa phương 47](#_Toc451659926)

[KẾT LUẬN 47](#_Toc451659927)

[1. Kết luận mục tiêu nghiên cứu 1 47](#_Toc451659928)

[2. Kết luận mục tiêu nghiên cứu 2 48](#_Toc451659929)

[3. Kết luận mục tiêu nghiên cứu 3 51](#_Toc451659930)

[4. Hạn chế của nghiên cứu 53](#_Toc451659931)

# DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ viết tắt** |  **Diễn giải** |
| ATTP | An toàn thực phẩm |
| BHXH | Bảo hiểm xã hội |
| BHYT | Bảo hiểm y tế |
| BKS | Ban kiểm soát |
| BQ | Bình quân |
| BQT | Ban quản trị |
| BVTV | Bảo vệ thực vật |
| CAQ | Cây ăn quả |
| CĐ, ĐH | Cao đẳng, Đại học |
| CĐL | Cánh đồng lớn |
| CMH | Chuyên môn hóa |
| CNXH | Chủ nghĩa xã hội |
| COOPERFIC® | Bộ công cụ quản lý HTX của Liên đoàn HTX nông nghiệp vùng Languedoc-Roussillon (Pháp) |
| CP | Chính phủ |
| CS | Chính sách |
| CSHT | Cơ sở hạ tầng |
| CT/DA | Chương trình/ Dự án |
| ĐBKK | Đặc biệt khó khăn |
| ĐBSCL | Đồng Bằng sông Cửu Long |
| ĐBSH | Đồng bằng sông Hồng |
| ĐNB | Đông Nam Bộ |
| DTTS | Dân tộc thiểu số |
| DVNN | Dịch vụ nông nghiệp |
| DVNNTH | Dịch vụ nông nghiệp tổng hợp |
| FRCA LR | Liên đoàn HTX nông nghiệp vùng Languedoc-Roussillon (Pháp) |
| GCN | Giấy chứng nhận |
| GD&ĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| GDP | Tổng thu nhập quốc nội |
| GSO | Tổng cục Thống kê |
| GTGT | Giá trị gia tăng |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| HTX | Hợp tác xã |
| LHHTX | Liên hiệp hợp tác xã |
| KH&CN | Khoa học và công nghệ |
| KH&ĐT | Kế hoạch và Đầu tư |
| KHCN | Khoa học công nghệ |
| KHKT | Khoa học kỹ thuật |
| KTHT | Kinh tế hợp tác |
| KTHT&PTNT | Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn |
| KTTT | Kinh tế tập thể |
| KT-XH | Kinh tế xã hội |
| LĐTX | Lao động thường xuyên |
| MTTQ | Mặt trận tổ quốc |
| NĐ | Nghị định |
| NN | Nông nghiệp |
| NN&PTNT | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| NNNT | Nông nghiệp nông thôn |
| NTM | Nông thôn mới |
| NLNN | Nông lâm ngư nghiệp |
| NTTS | Nuôi trồng thủy sản |
| PRA | Đánh giá nhanh có sự tham gia |
| PTNT | Phát triển nông thôn |
| QLNN | Quản lý nhà nước |
| QSD | Quyền sử dụng |
| RAT | Rau an toàn |
| SPDV | Sản phẩm dịch vụ |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| SXNN | Sản xuất nông nghiệp |
| SXTT | Sản xuất tập trung |
| TBKT | Tiến bộ kỹ thuật |
| TB&XH | Thương binh và Xã hội |
| TC-KH | Tài chính - Kế hoạch |
| TDNB | Tín dụng nội bộ |
| TDND | Tín dụng nhân dân |
| THT | Tổ hợp tác |
| TK | Thống kê |
| TN&MT | Tài nguyên và Môi trường |
| TNDN | Thu nhập Doanh nghiệp |
| TNCN | Thu nhập cá nhân |
| TP | Thành phố |
| TSCĐ | Tài sản cố định |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| VSMT | Vệ sinh môi trường |
| XHCN | Xã hội chủ nghĩa |

#

# CÁC CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1. Bản kiến nghị chính sách và giải pháp phát triển hợp tác xã trong nông, lâm, ngư nghiệp.
2. Hoàng Vũ Quang, Nguyễn Tiến Định: *Thực trạng triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hợp tác xã trong nông lâm ngư nghiệp*. Tạp chí khoa học phát triển nông thôn Việt Nam. Số 23, 2015. Trang 5-8.
3. Hoàng Vũ Quang, Nguyễn Tiến Định: *Phát triển Hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam- thực trạng và giải pháp*. Kỷ yếu Hội thảo Tái cơ cấu Nông nghiệp Việt Nam: Từ chính sách đến thực tiễn. Hội thảo tổ chức tại Học viện Nông nghiệp, ngày 17/1/2015.
4. Hoàng Vũ Quang: *Phát triển hợp tác xã nông nghiệp: Hiện trạng, khó khăn và giải pháp*. Bài trình bày tại hội thảo "Hợp tác xã và các tổ chức kinh tế hợp tác khác trong lĩnh vực nông nghiệp" tại Hà Nội, ngày 20-21/5/2015 do Bộ Nông nghiệp và PTNT; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam tổ chức.
5. Nguyễn Tiến Định: *Thực trạng và giải pháp phát triển hợp tác xã nông nghiệp vùng Tây Bắc trong xây dựng nông thôn mới*. Bài trình bày tại Hội thảo “Thực trạng hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp các tỉnh vùng Tây Bắc trong xây dựng nông thôn mới” tại Hòa Bình, ngày 15/12/2015 do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tổ chức.

# MỞ ĐẦU

# 1. Đặt vấn đề

Phát triển kinh tế tập thể (KTTT) mà nòng cốt là hợp tác xã (HTX) là chủ trương nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam. Chủ trương này được thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, trong nhiều Nghị quyết của Đảng. Từ năm 1996 đến 2012, Luật HTX đã được ban hành và sửa đổi 3 lần cho phù hợp với thực tiễn phát triển sản xuất nông nghiệp và nông thôn.

Trong thời gian qua, nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX nông lâm ngư nghiệp (HTX NLNN) đã được ban hành, đóng góp vào sự phát triển HTX NLNN ở Việt Nam. HTX ngày càng có vai trò quan trọng đối với thành viên trong việc cung cấp vật tư đầu vào (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) và dịch vụ nông nghiệp (thủy lợi, chuyển giao TBKT, làm đất…)[[1]](#footnote-1). Nhiều mô hình HTX hoạt động hiệu quả, giúp thành viên tổ chức sản xuất và cạnh tranh tốt hơn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, phát triển HTX NLNN trong thời gian qua còn có nhiều tồn tại. Bên cạnh một số ít HTX hoạt động hiệu quả, mang lại lợi ích cho HTX và các thành viên, đóng góp tích cực vào phát triển nông lâm ngư nghiệp, đa phần các HTX trong lĩnh vực nông nghiệp còn hoạt động yếu, kém hiệu quả. Chỉ khoảng 10% HTX được xếp loại khá, còn lại là trung bình và yếu. Hiện cả nước mới có khoảng 20% HTX thực hiện chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012 và khoảng 20% HTX đã dừng hoạt động nhưng chưa chuyển đổi hoặc giải thể được. Nhiều HTX nông nghiệp gặp khó khăn trong chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo Luật HTX 2012 (Bộ NN& PTNT, 2014).

Từ năm 2012, cả nước thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Trong các giải pháp thực hiện tái cơ cấu có giải pháp phát triển HTX NLNN và thúc đẩy hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp, HTX và hộ gia đình. Mặc dù có chính sách mới ưu đãi, hỗ trợ tạo thuận lợi cho HTX NLNN hợp tác, liên kết với doanh nghiệp và hộ nông dân, nhưng số HTX có liên kết với doanh nghiệp còn rất ít. Doanh nghiệp có nhu cầu liên kết với nông dân thông qua HTX, nhưng khó tìm thấy HTX hoạt động hiệu quả để kí hợp đồng liên kết[[2]](#footnote-2).

Nhà nước có chủ trương phát triển HTX, nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX đã được ban hành, doanh nghiệp cần HTX hoạt động có hiệu quả để liên kết, hộ nông dân cần HTX để hỗ trợ, giúp đỡ họ cạnh tranh tốt hơn, nhưng số lượng HTX hoạt động hiệu quả ít, phong trào HTX chậm phát triển. Vì vậy, đề tài nghiên cứu khoa học: “Nghiên cứu đề xuất chính sách và giải pháp phát triển các hợp tác xã trong nông, lâm, ngư nghiệp” là cần thiết, góp phần bổ sung, hoàn thiện các chính sách, giải pháp phát triển các HTX NLNN trong giai đoạn tới đáp ứng nhu cầu thực tiễn sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam.

# 2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Mục tiêu tổng quát của đề tài là đề xuất chính sách và giải pháp nhằm phát triển hợp tác xã trong nông, lâm, ngư nghiệp.

**Đề tài có các mục tiêu cụ thể sau:**

* Luận giải cơ sở khoa học của chính sách và giải pháp phát triển hợp tác xã trong nông, lâm, ngư nghiệp.
* Đánh giá thực trạng, chính sách và giải pháp phát triển hợp tác xã trong nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam thời gian qua.
* Đề xuất bổ sung, hoàn thiện chính sách và giải pháp phát triển hợp tác xã trong nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam thời gian tới.

# 3. Câu hỏi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu nhằm trả lời các câu hỏi sau:

1. Thực trạng hiệu quả hoạt động của các HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp như thế nào? Đâu là mô hình HTX hoạt động có hiệu quả?
2. Các HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp gặp nhiều khó khăn, vướng mắc gì trong việc giải thể, chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật HTX năm 2012 và tại sao?
3. Có những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự phát triển các HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp và tại sao?
4. Tổ chức bộ máy QLNN đối với HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp hiện nay có những vấn đề bất cập gì, và cần thiết phải củng cố như thế nào để tăng cường công tác QLNN đối với HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp?
5. Các chính sách và giải pháp hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp hiện nay có đáp ứng nhu cầu của HTX và tác động đến hiệu quả hoạt động của HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp không? Cần hoàn thiện, bổ sung chính sách và giải pháp gì để phát triển HTX NLNN hoạt động hiệu quả?

# 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

## 4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các chính sách và giải pháp phát triển HTX NLNN. Cụ thể là các chính sách hỗ trợ, chính sách ưu đãi của nhà nước đối với HTX NLNN.

## 4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Đề tài có phạm vi nghiên cứu trên toàn quốc. 8 tỉnh đại diện cho 8 vùng KT-XH được lựa chọn để khảo sát, nghiên cứu.

Phạm vi thời gian: Đề tài triển khai thu thập thông tin thực địa tại 8 tỉnh năm 2014, để thống nhất việc so sánh, phân tích dữ liệu giữa các HTX, các địa phương đề tài chọn năm 2013 là mốc thời điểm để đánh giá thực trạng hoạt động HTX trong NLNN. Để đánh giá phong trào phát triển các HTX trong NLNN ở các địa phương, các thông tin, số liệu sẽ được thu thập trong thời gian 5 năm (2009-2013). Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX NLNN được nghiên cứu, đánh giá là các chính sách còn hiệu lực tại thời điểm 2013.

# 5. Tiếp cận nghiên cứu

* Tiếp cận lịch sử: được sử dụng để đánh giá phong trào phát triển các HTX trong NLNN ở các địa phương, các thông tin, số liệu sẽ được thu thập trong thời gian 5 năm (2009-2013). Phân tích kinh nghiệm quốc tế và tổng kết kinh nghiệm trong nước về chính sách và giải pháp phát triển HTX NLNN.
* Tiếp cận thể chế: cho phép phân tích tổ chức bộ máy, nguyên tắc hoạt động, cơ chế điều hành, quản lý, phân phối của các HTX.
* Tiếp cận phân tích luật và kinh tế: phân tích quan hệ, những thay đổi hành vi của các tác nhân đối với chính sách, giải pháp phát triển HTX NLNN.
* Tiếp cận theo địa bàn: Để xác định các đặc trưng vùng miền, địa bàn liên quan đến sự phát triển của các HTX NLNN, đề tài nghiên cứu chọn 8 tỉnh tại 8 vùng KT-XH. Các HTX khảo sát ở các địa bàn khác nhau (nông thôn, miền núi, trung du, ven biển).
* Tiếp cận theo lĩnh vực, ngành nghề hoạt động: Nghiên cứu này phân tích các loại hình HTX theo 04 lĩnh vực[[3]](#footnote-3) do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý: nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), lâm nghiệp, thủy sản (đánh bắt và nuôi trồng) và diêm nghiệp. Các HTX đại diện cho 4 lĩnh vực này được lựa chọn khảo sát nghiên cứu.
* Tiếp cận mô hình điển hình: Một số HTX được đánh giá là điển hình thành công được nghiên cứu sâu để tìm các yếu tố ảnh hướng đến hiệu quả hoạt động của HTX.

# 6. Địa điểm nghiên cứu

## 6.1. Chọn tỉnh khảo sát

Đề tài lựa chọn 8 tỉnh khảo sát đại diện cho 8 vùng KT-XH của cả nước gồm:

* Sơn La: đại diện vùng miền núi Tây Bắc.
* Bắc Giang: đại diện vùng Đông Bắc. Bắc Giang có địa hình trung du.
* Hà Nội: đại diện vùng đồng bằng sông Hồng, quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh, có nhiều mô hình HTX trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi.
* Thanh Hóa: đại diện vùng Bắc Trung bộ, có sự đa dạng về địa bàn trung du, miền núi và đồng bằng ven biển.
* Quảng Ngãi: đại diện vùng Nam Trung Bộ, có sự đa dạng về địa bàn trung du và đồng bằng ven biển.
* Đồng Nai: đại điện vùng Đông Nam Bộ, quá trình đô thị hóa mạnh, phát triển nông nghiệp quy mô lớn về chăn nuôi và cây công nghiệp.
* Lâm Đồng: đại diện vùng Tây Nguyên, vùng nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn.
* An Giang: đại diện vùng ĐBSCL, phát triển trồng trọt và thủy sản.

## 6.2. Chọn huyện, xã khảo sát

Tổng cộng, tại 8 tỉnh khảo sát, nhóm nghiên cứu đã trao đổi với 21 huyện/thành phố/thị xã và 64 xã/phường/thị trấn. Các xã đã khảo sát đại diện cho các địa bàn khác nhau như: đồng bằng, trung du, miền núi và ven biển; các xã thuộc địa bàn có điều kiện KTXH khó khăn và ĐBKK.

# 7. Đối tượng và số lượng mẫu khảo sát

Tại mỗi tỉnh, đề tài khảo sát các đối tượng sau: i) Cán bộ làm công tác QLNN về HTX ở các cấp tỉnh, huyện, xã; ii) Các HTX: Các thành viên trong Hội đồng quản trị; cán bộ quản lý, điều hành HTX; iii) Thành viên HTX.

Mỗi tỉnh chọn 8 HTX để khảo sát. Tổng số 64 HTX đã được khảo sát, trong đó HTX NN chiếm 82,8%, HTX lâm nghiệp chiếm 4,7%, HTX ngư nghiệp chiếm 6,3% và HTX diêm nghiệp chiếm 6,3%. Ngoài ra, các HTX được chọn đại diện cho các địa bàn (miền núi, trung du, đồng bằng, ven biển), thời gian thành lập (HTX kiểu cũ được thành lập trước khi có Luật HTX năm 1996 và HTX kiểu mới được thành lập theo Luật HTX ), mức độ chuyên môn hóa hoạt động của HTX (đa ngành, chuyên ngành)

Để lấy ý kiến của thành viên HTX về hoạt động của HTX, ở mỗi HTX được lựa chọn khảo sát sẽ chọn 10 thành viên. Tổng cộng điều tra 640 thành viên (hộ) của 64 HTX.

# 8. Phương pháp nghiên cứu

## 8.1. Phương pháp thu thập thông tin

- Phương pháp chuyên gia: Tổ chức các tọa đàm với các chuyên gia, các cán bộ làm công tác QLNN liên quan đến HTX ở trung ương và địa phương.

*-* Phương pháp chuyên khảo: Các chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu trong lĩnh vực HTX NLNN tham gia viết các chuyên đề và góp ý về nội dung, phương pháp ngiên cứu.

*-* Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: phỏng vấn trực tiếp bằng bảng hỏi bán cấu trúc đối với các cán bộ HTXvà bảng hỏi cấu trúc đối với thành viên HTX.

- Đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia (Phương pháp PRA): được sử dụng để đánh giá nhanh, lấy ý kiến đánh giá của các thành viên HTX.

*-* Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình (Case study): được sử dụng để phân tích sâu một số HTX điển hình về: tổ chức bộ máy, quản lý điều hành các hoạt động SXKD trong HTX; cơ chế phân chia lợi nhuận của HTX với các thành viên.

## 8.2. Phương pháp phân tích

* Phân tích tài liệu: tổng quan tài liệu, các văn bản quy phạm pháp luật, các nghiên cứu đã thực hiện, các báo cáo kinh nghiệm các nước có liên quan.
* Phân tích chính sách: phân tích quá trình triển khai thực hiện chính sách liên quan đến ưu đãi, khuyến khích phát triển HTX NLNN, bao gồm các yếu tố đầu vào, hoạt động và đầu ra chính sách.
* Phân tích định tính: phân tích các thông tin, số liệu thống kê, số liệu điều tra liên quan đến hoạt động của các HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp. Phân tích cũng làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp.
* Phân tích thống kê mô tả: so sánh về thực trạng và hiệu quả hoạt động của các loại hình HTX khác nhau, địa bàn hoạt động khác nhau. Phân tích tương quan được sử dụng để xác định mối quan hệ tuyến tính giữa 2 yếu tố.
* Phân tích định lượng: Đề tài áp dụng phương pháp phân kiểu theo thứ bậc (Hierarchical Cluster Analysis - HCA) và phương pháp tổng bình phương sai lệch nhỏ nhất (Ward’s method) để phân kiểu các HTX khảo sát và phân tích các đặc điểm của từng kiểu HTX. Mô hình hồi quy tuyến tính được sử dụng để định lượng ảnh hưởng của các yếu tố đến doanh thu/thành viên của HTX. Phần mềm thống kê Stata 13 được sử dụng để thực hiện phương pháp HAC.

# CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HTX TRONG NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP

# 1.1. Cơ sở lý luận về chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN

## 1.1.1. Các khái niệm liên quan đến đề tài

### 1.1.1.1. Khái niệm phát triển HTX và chính sách, giải pháp phát triển HTX trong NLNN

**a. Khái niệm phát triển HTX trong NLNN**

Trong lĩnh vực kinh tế, phát triển kinh tế được hiểu là quá trình lớn lên hay tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định, trong đó bao gồm cả sự tăng thêm về quy mô sản lượng (tăng trưởng) và sự tiến bộ về cơ cấu kinh tế - xã hội[[4]](#footnote-4). Như vậy, phát triển kinh tế không chỉ bao gồm nội dung tăng trưởng kinh tế, mà còn có nghĩa là cùng với sự tăng trưởng sẽ xuất hiện sự thay đổi của mọi kết cấu.

Từ khái niệm phát triển kinh tế, phát triển HTX trong NLNN có thể được thể hiện trên 03 phương diện số lượng, chất lượng và cơ cấu, đó là: i) Sự gia tăng về số lượng HTX NLNN; gia tăng số lượng thành viên HTX NLNN; ii) Tăng số lượng các HTX NLNN hoạt động hiệu quả, được tổ chức quản lý tốt; iii) Cơ cấu (%) loại hình HTX theo lĩnh vực hoạt động, theo địa bàn, theo mức độ chuyên môn hóa cung cấp dịch vụ của HTX (HTX chuyên ngành/ HTX đa ngành). Tuy nhiên, sự phát triển HTX trong NLNN không phải lúc nào cũng phát triển đồng thời cả 03 phương diện này mà sự phát triển có thể được ghi nhận khi có sự thay đổi của một trong 3 phương diện trên.

**b. Khái niệm chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN**

Ở Việt Nam, chính sách công liên quan đến nhiều loại văn bản chính sách khác nhau, bao gồm cả Luật, Nghị định, Thông tư, Quyết định, Chiến lược, Quy hoạch và kế hoạch của các cơ quan trung ương và địa phương, các chương trình/dự án của Nhà nước. Cụ thể:

* Luật: cùng với Hiến pháp, có sức mạnh pháp lý cao nhất do Quốc hội ban hành.
* Nghị định: hướng dẫn thi hành Luật do Chính phủ ban hành.
* Thông tư: hướng dẫn thi hành Nghị định, thuộc cấp Bộ hoặc liên Bộ ban hành.
* Quyết định, công văn là văn bản dưới Luật nhằm hoặc để thực hiện công việc, hoặc làm rõ hơn những cái mà Nghị định, Thông tư không làm rõ được do thủ trưởng ở các cấp khác nhau ban hành.

Chính sách khác với giải pháp. Để giải quyết một vấn đề nào đó thì cần có nhiều giải pháp khác nhau, và chính sách được xem như là một trong số những giải pháp để giải quyết một vấn đề cụ thể. Trong công tác QLNN, ngoài chính sách thì Nhà nước còn có các công cụ quản lý khác như chiến lược hành động; kế hoạch triển khai; đề án hoặc phương án hành động cụ thể nhằm giải quyết vấn đề được đặt ra. Như vậy, công tác QLNN về HTX là một trong những giải pháp để thực hiện chính sách phát triển HTX trong NLNN.

Chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN nhằm mục tiêu phát triển HTX NLNN theo cả 3 phương diện là số lượng HTX; chất lượng HTX (HTX hoạt động có hiệu quả) và cơ cấu giữa các loại hình HTX NLNN như đã luận giải ở phần trên. Nội hàm chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN cũng sẽ bao gồm: i) Vị trí, vai trò của HTX trong NLNN được khẳng định trong các Nghị quyết của Đảng, thể chế hóa trong các quy định của Luật; ii) Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX; iii) QLNN về HTX trong NLNN.

### 1.1.1.2. Khái niệm, bản chất của HTX

**a. Khái niệm, bản chất HTX trên thế giới**

Khi so sánh quy định pháp luật về HTX ở Việt Nam với một số nước trên thế giới, nhóm nghiên cứu dự án AID-Coop (2009)[[5]](#footnote-5) đã nhận xét: “bản chất HTX được định nghĩa khác nhau. Ví dụ, ở Thái Lan và Philippines, HTX được định nghĩa là tổ chức phi chính phủ, còn ở Pháp và Canada, HTX được định nghĩa là doanh nghiệp”.

Liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA, 1995) định nghĩa[[6]](#footnote-6): “Hợp tác xã là một hiệp hội độc lập gồm các cá nhân tự nguyện cùng tập hợp lại để đáp ứng những nguyện vọng và nhu cầu chung về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua một hoạt động kinh doanh dựa trên vốn chủ sở hữu tập thể và quyền lực được thực thi một cách dân chủ”. Định nghĩa này cho thấy: (i) HTX là tổ chức do các thành viên cùng sở hữu, cùng sử dụng sản phẩm, dịch vụ do HTX tạo ra. Nói cách khác, HTX là doanh nghiệp do thành viên của nó cùng là chủ sở hữu; (ii) HTX là tổ chức trong đó thành viên vừa là chủ sở hữu, vừa là người tham gia vào các hoạt động do HTX triển khai; (iii) Mục đích tối thượng của HTX không phải là tối đa hoá lợi nhuận, mà để đáp ứng tốt nhất nhu cầu và lợi ích của thành viên.

**b. Khái niệm, bản chất HTX ở Việt Nam**

Ở Việt Nam từ 1955 đến nay, định nghĩa và bản chất HTX có sự thay đổi phù hợp với nhận thức và sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Dù định nghĩa, bản chất có sự thay đổi trong các thời kỳ, nhưng trong suốt từ 1955 đến nay, HTX luôn được xác định là thành tố chính của kinh tế tập thể, dù tính tập thể trong mỗi thời kỳ có khác nhau. Trong nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu không giải quyết tính đúng sai của định nghĩa HTX ở Việt Nam hiện nay. Nhóm nghiên cứu sử dụng định nghĩa HTX được quy định trong luật HTX 2012 làm định nghĩa chuẩn trong nghiên cứu này.

Luật HTX năm 2012 (khoản 1, điều 3) định nghĩa: “Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã”.

Bản chất hoạt động của HTX theo Luật HTX năm 2012 phù hợp với định nghĩa, các giá trị và nguyên tắc HTX đã được Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Liên minh Hợp tác xã Thế giới (ICA) đề ra. Theo quan điểm của nhóm nghiên cứu, định nghĩa HTX hiện nay phù hợp hơn với thông lệ quốc tế, đó là ở các điểm: (i) gia nhập tự nguyện; (ii) quyền lực bình đẳng giữa các thành viên; (iii) Ưu tiên phục vụ đáp ứng nhu cầu của thành viên; (iv) tự chủ và độc lập.

## 1.1.2. Phân loại HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp

Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp bao gồm rất nhiều ngành khác nhau[[7]](#footnote-7). Các HTX có hoạt động trong lĩnh vực NLNN cũng rất đa dạng về ngành nghề. Trong thực tiễn, các HTX trong NLNN thường được gắn kèm với các tên như HTX nông nghiệp (bao gồm cả trồng trọt và chăn nuôi), HTX thủy sản, HTX lâm nghiệp, HTX diêm nghiệp. Tuy nhiên, chưa có một văn bản chính thức nào đưa ra định nghĩa về HTX trong lĩnh vực NLNN này. Vì vậy, tên HTX gắn với lĩnh vực thường liên quan đến hoạt động chủ yếu của HTX[[8]](#footnote-8) hoặc tên đăng kí của HTX.

## 1.1.3. Vai trò của hợp tác xã trong phát triển nông nghiệp, nông thôn

### 1.1.3.1. Vai trò của HTX đối với thành viên

Theo TS. Chu Tiến Quang[[9]](#footnote-9) (2012), vai trò của HTX đối với thành viên được xem xét trên hai khía cạnh về kinh tế và xã hội.

**a) Vai trò đối với thành viên về kinh tế**

Đây được xem là vai trò cơ bản và quan trọng nhất, điều này xuất phát từ các chức năng, nhiệm vụ của HTX là nhằm giúp thành viên phát triển kinh tế, sau đó mới đến các chức năng khác. Theo đó, tất cả hoạt động của HTX có mục đích trợ giúp thành viên phát triển kinh tế có thể được xem là vai trò kinh tế của HTX đối với thành viên. Cụ thể gồm : i) Vai trò tổ chức hoạt động tín dụng nội bộ trong HTX; ii) Vai trò tổ chức các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp của thành viên: cung cấp dịch vụ cày, bừa; dịch vụ tưới, tiêu nước theo nhu cầu; cung cấp các vật tư đầu vào của sản xuất nông nghiệp; các dịch vụ bảo vệ cây trồng, vật nuôi; iii) Cung cấp các dịch vụ tiêu thụ sản phẩm của thành viên làm ra; iv) Vai trò tạo việc làm thông qua tổ chức sản xuất và kinh doanh mang tính tập thể.

**b) Vai trò đối với thành viên về xã hội**

HTX có một số vai trò xã hội đối với thành viên, xuất phát từ chức năng mang tính xã hội của HTX như: giải quyết, xử lý các vấn đề xã hội trong cộng đồng thành viên đặt ra, làm gia tăng địa vị, lợi ích xã hội của thành viên; nâng cao năng lực hợp tác, liên kết thành viên để cùng nhau xây dựng, phát triển HTX.

### 1.1.3.2. Vai trò của HTX đối với ngành nông nghiệp

Việt Nam với đa số hộ nông dân có quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, chất lượng không đồng đều nên làm giảm tính cạnh tranh của nông sản trong điều kiện cạnh tranh quốc tế, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Trong bối cảnh đó, HTX đóng vai trò trung gian, là cầu nối giữa doanh nghiệp và hộ nông dân cá thể. HTX giúp cho sản xuất sản phẩm có chất lượng đồng đều, áp dụng các quy trình kỹ thuật có chứng nhận chất lượng và với kinh tế quy mô, có thể giảm chi phí sản xuất, tăng giá bán sản phẩm. Từ đó giúp tăng tính cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp với tác nhân khác.

## 1.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTX trong NLNN và chính sách, giải pháp phát triển HTX trong NLNN

### 1.1.4.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTNLNN

Trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về sự phát triển HTX và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển HTX, điển hình là:

Mellor & Mel (2009) chỉ ra rằng sự phát triển của HTX bị chi phối bởi 4 yếu tố là: quá trình toàn cầu hòa; quá trình thương mại hóa nhanh chóng của các hộ nông dân nhỏ; sự phát triển mạnh mẽ của siêu thị; và cuộc cách mạng trong lĩnh vực truyền thông.

Garnevska và cộng sự (2011) đã xác định rằng môi trường pháp lý ổn định, người sáng lập và người lãnh đạo tận tâm, có sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật của chính phủ, sự am hiểu của thành viên, sự tham gia tích cực của thành viên vào hoạt động của HTX và các hỗ trợ bên ngoài từ các tổ chức NGOs là các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự phát triển thành công của HTX ở vùng Tây Bắc Trung Quốc.

Michael Bratton (1986), khi nghiên cứu về tổ chức nông dân ở Zimbabwe đã tổng kết rằng để một nhóm nông dân phát triển thành công và hoạt động hiệu quả cần đảm bảo 09 yếu tố cơ bản là: (1) Các thành viên có cùng mối quan tâm, hiểu rõ về mục đích, mục tiêu và kế hoạch hành động; (2) Có điều lệ hoạt động và ghi rõ mục tiêu, nguyên tắc, được xây dựng bởi các thành viên để định hướng hoạt động và giúp cho họ có trách nhiệm thúc đẩy nhóm phát triển; (3) Có một nhà lãnh đạo tốt được các thành viên trong nhóm bầu ra, giúp các thành viên đoàn kết, phát triển; (4) Có tên, địa chỉ, văn phòng và được đăng ký với cơ quan pháp lý; (5) Có hồ sơ, sổ sách ghi chép, đảm bảo tính minh bạch; (6) Các thành viên đóng góp quỹ và huy động tiết kiệm giúp hình thành tính cộng đồng, sở hữu chung; (7) Các thành viên trung thực và có tính xây dựng; (8) Đảm bảo các cuộc họp thường kỳ; (9) Tất cả các thành viên tham gia vào quá trình ra quyết định, hoạt động và chia sẻ lợi ích.

### 1.1.4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN

- Các yếu tố ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN, đó là: i) Yếu tố con người: năng lực cán bộ lãnh đạo và cán bộ tham mưu hoạch định chính sách; ii) Yếu tố tiến bộ khoa học kỹ thuật; iii) Yếu tố cơ sở vật chất; iv) Yếu tố tổ chức quản lý; v) Yếu tố môi trường.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực thi chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN, đó là: i) Các yếu tố khách quan: Bản chất của HTX trong NLNN; Bối cảnh thực thi chính sách trong thực tế; Tiềm lực chính trị và kinh tế của nhóm đối tượng chính sách (HTX, thành viên HTX); ii) Các yếu tố chủ quan: Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách; Bộ máy cán bộ tổ chức thực thi chính sách (công tác QLNNN đối với HTX); Thủ tục hành chính; Nguồn kinh phí/ ngân sách thực hiện; Thái độ thực thi chính sách của HTX, thành viên HTX trong NLNN.

## 1.1.5. Nội dung và tiêu chí đánh giá chính sách, giải pháp phát triển HTX trong NLNN

Các tiêu chí đánh giá chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN gồm: i) Tính hiệu lực của chính sách; ii) Tính hiệu quả của chính sách; iii) Tính hữu dụng của chính sách; iv) Tính công bằng; v) Tính đáp ứng yêu cầu của đối tượng chính sách; vi) Tính thích đáng của chính sách (kết hợp giữa hiệu quả và công bằng).

# 1.2. Cơ sở thực tiễn về chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN

## 1.2.1. Kinh nghiệm thế giới về chính sách và giải pháp phát triển HTX NLNN

Tổng kết kinh nghiệm chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp của một số nước như Pháp, Đức, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Inđônêxia, Malaixia, Thái Lan,.... cho thấy: Chính phủ các nước trên thế giới đều rất quan tâm đến hoạt động của HTX nông nghiệp, coi HTX nông nghiệp là tổ chức không thể thiếu ở khu vực nông thôn, có nhiều chính sách hỗ trợ, khuyến khích hoạt động của HTX nông nghiệp. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ của các nước đối với HTX có sự khác nhau, nhưng có một số điểm chung là: i) Ưu đãi thuế cho HTX; ii) Tạo điều kiện cho HTX cung cấp vốn và thành viên tiếp cận vốn; iii) Nâng cao năng lực cho cán bộ HTX; iv) Chuyển giao dịch vụ cho HTX đảm nhiệm và hỗ trợ hộ nông dân thông qua HTX; v) Tăng tính độc lập tự chủ cho HTX; vi) Thành lập cơ quan hỗ trợ phát triển HTX. Xu hướng hỗ trợ nhiều cho HTX thường gặp ở các nước châu Á, các nước phương Tây phát triển có hỗ trợ cho HTX nhưng ít hơn và đòi hỏi sự cạnh tranh của HTX với các hình thức kinh tế khác nhiều hơn.

## 1.2.2. Tổng quan chỉ tiêu đánh giá sự phát triển HTX trong NLNN

### 1.2.2.1. Kinh nghiệm thế giới về đánh giá sự phát triển HTX

Trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu đánh giá sự phát triển HTX. Để đánh giá sự phát triển HTX, nhiều nghiên cứu trên thế giới thường quan tâm đến các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của HTX. Tuy nhiên, mỗi nghiên cứu đề ra những chỉ tiêu và phương pháp đánh giá khác nhau mà chưa có một hệ thống chỉ tiêu hay phương pháp chung để có thể đo lường hiệu quả HTX. Có 3 nhóm chỉ tiêu hiệu quả đã được sử dụng trong các nghiên cứu khác nhau là hiệu quả kinh tế, hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả xã hội. Đa số các nghiên cứu quan tâm đến hiệu quả kinh tế. Trong hầu hết các nghiên cứu, các chỉ tiêu đánh giá thường nhằm mục đích so sánh xem HTX nào có hiệu quả hơn so với HTX khác, mà chưa chỉ ra được thế nào là 01 HTX thành công hay HTX hoạt động có hiệu quả. Mặt khác, số lượng các HTX được tính toán để so sánh trong các nghiên cứu thường không nhiều, nên khó có thể áp dụng khi đo lường số lượng HTX lớn.

### 1.2.2.2. Tổng quan kinh nghiệm của Việt Nam về đánh giá HTX

Ở Việt Nam, chưa có các nghiên cứu đánh giá sự phát triển HTX cũng như hiệu quả HTX theo một hệ thống chỉ tiêu cụ thể. Đánh giá sự phát triển HTX chủ yếu được thực hiện bởi các cơ quan QLNN về HTX theo các chỉ tiêu thống nhất. Đã có một số nghiên cứu xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của HTX.

Tác giả Chu Tiến Quang (2012) khi nghiên cứu vai trò của của HTX ở Việt Nam đối với thành viên đã chỉ ra rằng mỗi hoạt động dịch vụ phục vụ thành viên của HTX chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau, nảy sinh từ bên trong (nhân tố nội sinh) và từ bên ngoài HTX (nhân tố ngoại sinh). Từ đó, tác giả đã phân tích cụ thể các nhân tố nội sinh và ngoại sinh ảnh hưởng tới kết quả hoạt động từng dịch vụ của các loại hình HTX khác nhau. Mặc dù đã chỉ ra các yếu tố ngoại sinh và nội sinh tác động đến từng hoạt động dịch vụ của HTX là khác nhau, tác giả lại chưa đưa ra các chỉ tiêu cụ thể để đánh giá tác động của các yếu tố này đến hoạt động của HTX.

Tác giả Ngô Văn Lương (2004) đã chỉ ra 08 nhân tố tác động đến sự phát triển các hình thức HTX trong nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBSH. Đó là: 1) Sự phát triển của lực lượng sản xuất; 2) Mục tiêu của HTX hay nhu cầu thực tế của nông dân khi tham gia vào HTX; 3) Điều kiện tự nhiên: đất đai, tài nguyên, khí hậu, môi trường, kinh nghiệm, tập quán của địa phương và tính chất thời vụ trong sản xuất kinh doanh; 4) Ngành sản xuất kinh doanh và công nghệ sản xuất; 5) Thị trường (nhu cầu của thị trường và tính cạnh tranh trên thị trường; 6) Khả năng huy động về các nguồn lực (vốn, cơ sở vật chất, kỹ thuật); 7) Trình độ quản lý của cán bộ, trước hết là chủ nhiệm HTX, và trình độ dân trí của thành viên; 8) Hiệu quả kinh tế- xã hội của hình thức HTX.

Tác giả Phan Văn Hiếu (2011) cũng chỉ ra sự phát triển HTX chịu tác động của các yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài HTX. Các yếu tố bên trong gồm: nguồn nhân lực; thành viên; nguồn vật lực; nguồn lực tài chính; tổ chức và quản lý; chiến lược kinh doanh; hiệu quả kinh doanh; sở hữu và phân phối lãi trong HTX. Các yếu tố bên ngoài gồm: trình độ phân công lao động và kinh tế thị trường; thị trường; môi trường chính trị; môi trường xã hội; môi trường thông tin của HTX; những yếu tố thuộc về điều kiện lịch sử và mang tính ngẫu nhiên.

# 1.3. Đề xuất chỉ tiêu đánh giá sự phát triển HTX NLNN và chính sách, giải pháp phát triển HTX NLNN trong nghiên cứu này

## 1.3.1. Đề xuất chỉ tiêu đánh giá sự phát triển HTX trong NLNN

* 1. Tốc độ tăng bình quân/năm (%) về số lượng các HTX trong NLNN;
	2. Tốc độ tăng bình quân/năm (%) về số lượng thành viên HTX trong NLNN;
	3. Tốc độ tăng BQ/năm (%) về số lượng thành viên của 01 HTX trong NLNN;
	4. Tốc độ tăng bình quân/năm (%) về tỷ lệ số lượng thành viên HTX trong NLNN/ tổng số lao động NN của tỉnh.
	5. Tốc độ tăng tổng doanh thu/năm của các HTX trong NLNN;
	6. Tỷ lệ (%) tổng Doanh thu của các HTX trong NLNN trong GDP của tỉnh.

## 1.3.2. Đề xuất chỉ tiêu đánh giá chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN

Nội dung đánh giá chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN gồm: i) Các quy định của Luật HTX năm 2012; ii) Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX trong NLNN; iii) QLNN về HTX trong NLNN. Mỗi nội dung được đánh giá bằng các chỉ tiêu cụ thể sau:

1. Tỷ lệ (%) HTX nắm được thông tin sách đối với HTX NLNN của Nhà nước

2. Tỷ lệ (%) HTX được nhận chính sách đối với HTX NLNN của Nhà nước

3. Tỷ lệ (%) HTX đánh giá chính đối với HTX NLNN là rất hiệu quả

4. Tỷ lệ (%) HTX đánh giá chính sách đối với HTX NLNN rất kịp thời

5. Tỷ lệ (%) HTX đánh giá chính sách đối với HTX NLNN rất công bằng giữa các loại hình HTX, giữa các địa bàn hưởng lợi.

6. Tỷ lệ (%) HTX đánh giá chính sách đối với HTX NLNN đã đáp ứng được nhu cầu mong muốn của HTX và thành viên.

# CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HTX TRONG NLNN GIAI ĐOẠN 2002-2015 VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG

# 2.1. Thực trạng phát triển HTX NLNN giai đoạn 2002-2015

## 2.1.1. Thực trạng phát triển số lượng, cơ cấu và loại hình HTX NLNN

Trong 4 năm qua, 2012-2015, số lượng HTX NLNN biến động thất thường. Năm 2012 số lượng HTX NLNN là 9.628 tăng 543 HTX so với năm 2011. Năm 2013 số lượng HTX NLNN là 10.294 HTX và năm 2014 là 10.446 HTX nên tăng 152 HTX so với năm 2012. Tính đến tháng 11/2015, số lượng HTX NLNN cả nước là 10.897 HTX, tăng thêm 451 HTX so với năm 2014. Sự biến động về số lượng HTX là do hàng năm đều có các HTX thành lập mới nhưng cũng có một số lượng HTX giải thể.

Đến hết tháng 11/2015, trong tổng số 10.897 HTX NLNN của cả nước thì đa số các HTX NLNN là các HTX kinh doanh tổng hợp (chiếm 74,25%). Số lượng các HTX chuyên ngành không nhiều (chiếm 25,75%), trong đó có: 1.222 HTX trồng trọt, 361 HTX chăn nuôi, 418 HTX thủy lợi và nước sinh hoạt, 151 HTX lâm nghiệp, 601 HTX thuỷ sản, 53 HTX diêm nghiệp. Các HTX NLNN nhiều nhất là ở vùng ĐBSH (33,8%), Bắc Trung bộ (19,5%), Đông Bắc bộ (16,9%), ĐBSCL (11,1%).

## 2.1.2. Thực trạng phát triển về tổ chức của các HTX NLNN

Theo số liệu thống kê của Bộ NN&PTNT năm 2014, cả nước chỉ có khoảng 105 HTX NLNN (bằng 1%) được tổ chức hoạt động và quản lý theo mô hình 2 bộ máy có HĐQT và Ban Giám đốc (đúng Luật HTX 2012). Còn lại 99% HTX NLNN được tổ chức hoạt động và quản lý theo mô hình 1 bộ máy và cần được chuyển đổi sang mô hình HTX 2 bộ máy như quy định của Luật HTX 2012. Khảo sát 8 tỉnh cho thấy 91% HTX NLNN vẫn có 2 bộ máy và mức độ chuyển đổi HTX sang mô hình 2 bộ máy rất khác nhau giữa các tỉnh. Sự khác biệt về mức độ chuyển đổi bộ máy quản lý HTX trước tiên phụ thuộc vào sự chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn. Các tỉnh có sự chỉ đạo, hướng dẫn tốt như Hà Nội, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, An Giang thì mức độ chuyển đổi tốt hơn. Tuy nhiên, kết quả chuyển đổi còn phụ thuộc vào hiệu quả và quy mô hoạt động của bản thân từng HTX. Các HTX đã hoặc đang làm thủ tục đăng ký tổ chức lại theo Luật HTX 2012 đều là nhóm HTX có quy mô lớn về doanh thu, số lượng thành viên, và số hoạt động dịch vụ.

Các HTX tổ chức theo mô hình 1 bộ máy có Ban quản trị thường có 3 người[[10]](#footnote-10) (01 chủ nhiệm HTX phụ trách chung, 01 Phó chủ nhiệm và 01 ủy viên) và Ban Kiểm soát HTX thường có 2 người. Cá biệt, một số HTX không có Ban Kiểm soát. Bộ máy giúp việc cho Ban quản trị gồm có kế toán, thủ quỹ, các tổ dịch vụ. Đa số các HTX đều bố trí 1 kế toán là thành viên HTX. Tuy nhiên, nhiều HTX chỉ thuê kế toán theo thời vụ do HTX không có nhiều hoạt động hoặc không có đủ kinh phí để trả lương. Những HTX thực hiện nhiều hoạt động sản xuất, dịch vụ thường bố trí thêm tác tổ, đội sản xuất, CLB hoặc các THT trực thuộc HTX để thuận tiện cho quá trình điều hành HTX.

## 2.1.3. Thực trạng hoạt động của các HTX trong NLNN

### 2.1.3.1. Trình độ cán bộ quản lý HTX NLNN

- Chỉ có 11,3% cán bộ Ban quản trị HTX có trình độ cao đẳng, đại học. 21,7% cán bộ trong Ban kiểm soát có trình độ từ trung cấp trở lên. 12% chủ nhiệm HTX có trình độ đại học[[11]](#footnote-11). Đa số cán bộ quản lý HTX chưa qua tập huấn nghiệp vụ chuyên môn trước khi đảm nhiệm các vị trí quản lý HTX.

- 37,3% cán bộ kế toán, thủ quỹ có trình độ từ cấp III trở xuống (không được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ). 60% HTX có sử dụng máy vi tính trong công tác tế toán và dưới 10% HTX sử dụng Internet.

Tỷ lệ cao cán bộ quản lý có trình độ cao chủ yếu ở các HTX chuyên ngành, HTX chăn nuôi, HTX mới được thành lập và HTX ở các vùng đồng bằng, trung du và ven biển. Nhìn chung, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ HTX NLNN còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của HTX trong điều kiện kinh tế thị trường.

### 2.1.3.2. Tài sản của HTX

***a. Tài sản cố định của HTX***

Năm 2013 trung bình 01 HTX NLNN có tổng giá trị tài sản là 2,6 tỷ đồng, trung bình 5,3 triệu đồng/thành viên, bao gồm tài sản ngắn hạn và dài hạn. Trong đó, tài sản cố định (TSCĐ) là 1.565 triệu đồng, chiếm 60,7% tổng tài sản của HTX. Các loại TSCĐ của HTX chủ yếu gồm: trụ sở làm việc; đất đai, công trình hạ tầng được giao quản lý, sử dụng (hồ, đập, trạm bơm, kênh mương nội đồng, ao hồ); phương tiện vận tải và trang thiết bị máy móc (máy bơm, thiết bị văn phòng); nhà xưởng, kho chứa.

Giá trị tài sản cố định thấp, trong đó nhiều tài sản HTX được giao sử dụng hoặc đất đai không có chứng nhận quyền sử dụng, không có khả năng thế chấp nên HTX gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận với tín dụng, nhất là tín dụng thương mại có thế chấp.

***b. Tài sản không chia của HTX***

Tài sản không chia bình quân của 1 HTX là 933 triệu đồng, chiếm 36,2% tổng giá trị tài sản của HTX. Nhiều tài sản theo quy định phải được hạch toán vào tài sản không chia của HTX, nhưng lại không được HTX hạch toán thành tài sản không chia như các công trình hạ tầng của HTX được địa phương giao quản lý hoặc HTX trực tiếp đầu tư từ nguồn vốn góp của các thành viên (điện, kênh mương,…).

### 2.1.3.3. Nguồn vốn của HTX

***a. Vốn chủ sở hữu của HTX***

Vốn CSH của HTX ở mức thấp, bình quân 2.128 triệu đồng/HTX, chiếm 82,5% tổng giá trị tài sản của HTX. Vốn CSH của HTX được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó: (a) Phần tích lũy của HTX từ phần lợi nhuận sau thuế chiếm 12%; (b) Các quỹ của HTX như Quỹ phát triển sản xuất, quỹ dự phòng, quỹ khác chiếm 2,8%; (c) Vốn trợ cấp, hỗ trợ, biếu tặng, nhà nước giao chiếm tỷ 64,5%; (d) Vốn được chia, chiếm 19,9%.

***b. Các khoản nợ phải trả của HTX***

Kết quả khảo sát cho thấy, 46,9% HTX có nợ phải trả với giá trị trung bình 452 triệu đồng (chiếm 17,5% tổng nguồn vốn của HTX), bao gồm: khoản nợ do HTX mua nguyên liệu, đầu tư SXKD nhưng chưa trả được, nợ lương cán bộ quản lý HTX, nợ cổ tức của thành viên, tiền lương lao động làm việc tại HTX. Các khoản nợ dài hạn của HTX chủ yếu là nợ do HTX vay ngân hàng, vay từ các chương trình, dự án đầu tư chưa thanh toán.

### 2.1.3.4. Loại hình dịch vụ HTX cung cấp

***i. Hoạt động dịch vụ công trong nông nghiệp:***

64% HTX khảo sát có các hoạt động dịch vụ phục vụ cộng đồng, trong đó 12,5% HTX có ít nhất 3 hoạt động dịch vụ công ích trở lên. Các hoạt động công ích trong các HTX khảo sát bao gồm: dịch vụ thủy lợi (tươi, tiêu nước), BVTV, thú y, khuyến nông.Nhiều HTX nông nghiệp cung ứng các dịch vụ tưới tiêu, bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông. HTX lâm nghiêp, thủy sản cung cấp dịch vụ chủ yếu là khuyến nông, nước. HTX diêm nghiệp cung cấp dịch vụ thủy lợi cho thành viên là chủ yếu.

***ii. Hoạt động dịch vụ công trong nông thôn***

Trong số các HTX NLNN khảo sát, chỉ có 6,3% HTX tham gia cung ứng nước sạch và chỉ có 3,1% HTX làm dịch vụ vệ sinh môi trường thông thôn. Nhìn chung, các hoạt động dịch vụ phục vụ đời sống dân cư nông thôn như nước sạch, vệ sinh môi trường vẫn còn ít HTX tham gia. Nguyên nhân là do các HTX NLNN không đủ vốn, không có sức cạnh tranh với khu vực tư nhân hoặc do tính đặc thù của dịch vụ.

***iii. Hoạt động dịch vụ sản xuất, kinh doanh:***

89% HTX khảo sát có hoạt động dịch vụ SXKD. Các hoạt động SXKD của HTX chủ yếu gồm: cung ứng vật tư đầu vào (giống, phân bón, thuốc BVTV,…); tổ chức cung ứng dịch vụ làm đất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; cung cấp dịch vụ điện, việc làm,…..

### 2.1.3.5. Đối tượng sử dụng sản phẩm dịch vụ của HTX NLNN

Gần như tất cả các HTX vừa phục vụ thành viên vừa phục vụ ra bên ngoài. Trung bình, HTX cung ứng 69% giá trị sản phẩm dịch vụ cho thành viên. 63,6% HTX có tỷ lệ giá trị SPDV cung cấp ra bên ngoài thành viên dưới 32% theo quy định của Nghị định 193/2013/NĐ-CP. Trung bình HTX này cung cấp 96,9% giá trị SPDV cho thành viên. Có 36,4% HTX có giá trị SPDV cung ứng ra bên ngoài lớn hơn 32%. Các HTX này không đáp ứng quy định về mức độ cung ứng SPDV cho khách hàng không phải thành viên HTX. Các HTX này cho rằng việc đưa ra quy định về tỷ lệ SPDV cung ứng ra bên ngoài nhỏ hơn 32% là không phù hợp với thực tiễn vì HTX phải cung cấp ra bên ngoài mới đảm bảo quy mô hoạt động.

### 2.1.3.6. Kết quả doanh thu và lợi nhuận của HTX

Kết quả khảo sát tại 64 HTX cho thấy 71,9% HTX có lợi nhuận trước thuế. Năm 2013, doanh thu trung bình của 1 HTX đạt 2.043 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế 147 triệu đồng, chiếm 7,2% doanh thu. Hầu hết các HTX khảo sát được miễn thuế TNDN do thuộc đối tượng miễn giảm hoặc do được ưu tiên. Vì vậy, chỉ 7,8% HTX khảo sát phải nộp thuế TNDN. Trung bình mỗi HTX sau khi trích vào các quỹ của HTX còn lại 66 triệu đồng để chia lại cho các thành viên, chiếm khoảng 3,2% tổng doanh thu của HTX hoặc 44,9% lợi nhuận trước thuế của HTX.

Nhiều HTX có doanh thu rất thấp do hoạt động chủ yếu là cung cấp dịch vụ phục vụ thành viên và kết quả SXKD của hộ không hạch toán vào doanh thu của HTX như: HTX nấm Đồng Việt (Bắc Giang), HTX RAT Xuân Hương (Đà Lạt), HTX nuôi trồng thủy sản (An Giang); HTX chăn nuôi bò sữa Đạ Ròn (Lâm Đồng), HTX Xoài Suối Lớn (Đồng Nai), HTX Bưởi Tân Triều (Đồng Nai), HTX chăn nuôi Xuân Lập (Đồng Nai), HTX rau sạch Tràng An (Đồng Nai). Nhìn chung, doanh thu và lợi nhuận của đa số HTX NLNN còn thấp.

### 2.1.3.7. Cơ chế phân phối lợi nhuận của HTX

Trong 64 HTX khảo sát, 100% các HTX có lãi đều không ưu tiên phân phối lợi nhuận theo mức độ sử dụng dịch vụ trước. Điều đó có nghĩa là các HTX đều chưa thực hiện cơ chế phân phối lợi nhuận theo đúng Luật HTX 2012. Cụ thể năm 2013, lợi nhuận của HTX sau khi trích lập các Quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Dự phòng tài chính,…) được chia như sau: 67,4% cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp, 2,3% cho mức độ sử dụng dịch vụ của HTX, 30,2% chia theo công lao động hoặc hình thức khác.

Kết quả phỏng vấn thành viên HTX về cơ chế phân phối lợi nhuận của HTX cho thấy: chỉ có khoảng 32,2% hộ thành viên trả lời có sự phù hợp giữa lợi nhuận được chia và mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ do HTX cung cấp. Trong khi đó, có tới 53,2% hộ thành viên trả lời có sự phù hợp giữa lợi nhuận được chia và vốn góp của thành viên. Tỷ lệ thành viên hài lòng cao nhất ở nhóm HTX trồng trọt, với tỷ lệ 79,2%.

## 2.1.4. Thực trạng hiệu quả hoạt động của các HTX NLNN

### 2.1.4.1. Hiệu quả kinh tế của HTX

**a. Doanh thu và lợi nhuận của HTX**

Kết quả khảo sát 64 HTX cho thấy: Doanh thu bình quân của HTX/thành viên có xu hướng tăng từ 2,7 triệu đồng (năm 2011) lên 3 triệu đồng (năm 2012) và 4 triệu đồng (năm 2013). Tuy nhiên, quy mô và xu hướng doanh thu bình quân của HTX/thành viên khác nhau giữa các loại hình HTX. HTX chăn nuôi có mức doanh thu tốt nhất. Mức tăng trưởng doanh thu năm 2013 đạt 22,8 triệu đồng, tăng gấp trên 10 lần so với năm 2011. Ngược lại, các HTX diêm nghiệp có mức doanh thu bình quân/thành viên thấp nhất (0,4 triệu đồng/thành viên) do ít hoạt động dịch vụ để tạo nguồn thu. Các HTX nông nghiệp chuyên ngành và các HTX kiểu mới có mức doanh thu bình quân/thành viên rất cao (lần lượt là 15,8 triệu đồng/thành viên và 53,9 triệu đồng/thành viên), cao hơn rất nhiều so với các HTX đa ngành (2,2 triệu đồng/thành viên) và HTX kiểu cũ (1,8 triệu đồng/thành viên).

**b. Lợi nhuận trước thuế của HTX/vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu phản ánh hiệu quả SXKD của HTX. Tỉ số này càng lớn, tính hiệu quả của HTX càng cao. Số liệu khảo sát 64 HTX trong giai đoạn 2011-2013, khả năng sinh lời của các HTX tương đối ổn định. Năm 2013, lợi nhuận trước thuế của HTX/vốn chủ sở hữu là 6,9%, nghĩa là với 100 đồng vốn chủ sở hữu mà thành viên đầu tư vào HTX sẽ sinh lời 6,9 đồng. Những loại hình HTX có tỷ suất sinh lời cao là: HTX chăn nuôi (29,9%), HTX ở vùng đồng bằng (13,1%). Nhóm các HTX có tỷ suất sinh lời thấp gồm: HTX thủy sản, HTX diêm nghiệp, HTX kiểu cũ, HTX vùng trung du và ven biển.

**c. Mức độ phục vụ thành viên của HTX**

Một trong những chức năng quan trọng nhất đối với HTX là cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ cho thành viên HTX.

*- Về cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho thành viên HTX:* bình quân các HTX khảo sát cung ứng 69% giá trị sản phẩm, dịch vụ cho thành viên HTX so với tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ của HTX trong một năm.

*- Về tiêu thụ sản phẩm cho thành viên HTX:* Khối lượng sản phẩm HTX tiêu thụ cho thành viên HTX chỉ chiếm 53,6% tổng khối lượng sản phẩm của HTX tiêu thụ trong một năm. Như vậy, đối chiếu với quy định trong Nghị định 193 thì các HTX chưa đáp ứng yêu cầu. Những HTX có tỷ lệ khối lượng sản phẩm tiêu thụ cho thành viên thấp là: HTX thủy sản, HTX đa ngành, HTX kiểu mới, HTX vùng trung du và vùng đồng bằng.

**d. Tần suất thành viên sử dụng sản phẩm, dịch vụ do HTX cung ứng**

Kết quả điều tra thành viên cho thấy có 86,6% hộ sử dụng sản phẩm, dịch vụ do HTX cung cấp. Theo từng loại dịch vụ thì: i) 72,7% thành viên sử dụng dịch vụ công ích phục vụ sản xuất nông nghiệp như thủy lợi, thú y, khuyến nông, BVTV; ii) 61,6% thành viên sử dụng vật tư đầu do HTX cung cấp (giống, phân bón, thuốc BVTV); iii) 28,5% thành viên tiêu thụ sản phẩm qua HTX; iv) 11,7% thành viên vay tín dụng nội bộ trong HTX; v) 4,7% thành viên sử dụng dịch vụ nước sạch, vệ sinh môi trường từ HTX; vi) 21,7% thành viên sử dụng các dịch vụ khác do HTX cung cấp như: điện, làm đất,….

**đ. Chênh lệch giá mua/bán qua HTX**

Thông qua HTX, các thành viên được mua sản phẩm dịch vụ do HTX cung cấp thấp hơn 4,4% so với giá mà các hộ thành viên mua lẻ từ các đại lý kinh doanh. Có 34% thành viên HTX cho rằng giá sản phẩm, dịch vụ mà họ mua qua HTX rẻ hơn. Những HTX cung ứng sản phẩm, dịch vụ rẻ hơn cho các thành viên HTX chủ yếu là các HTX kiểu mới, HTX ở vùng đồng bằng. Đây là những HTX được quản trị tốt, cán bộ HTX năng động trong các hoạt động SXKD. Ngược lại, việc mua sản phẩm, dịch vụ do HTX cung ứng không thấp hơn giá bên ngoài rơi vào những HTX thủy sản, HTX diêm nghiệp, HTX kiểu cũ, thậm chí ở vùng trung du, miền núi một số HTX còn cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho thành viên cao hơn so với các tác nhân bên ngoài. Điều đó chứng tỏ sức cạnh tranh của HTX với các thành phần kinh tế khác còn thấp.

Tương tự, các HTX cũng cho rằng giá sản phẩm mà thành viên bán qua HTX cao hơn 4,8% so với giá bên cho các tác nhân khác (thu gom, thương lái,…). Những HTX chuyên ngành, HTX vùng đồng bằng là những HTX thực hiện tốt chức năng này cho thành viên HTX. Tuy nhiên, cũng chỉ có 11,4% thành viên HTX cho rằng giá bán sản phẩm qua HTX cao hơn so với bên ngoài, Điều này cho thấy, chỉ một bộ phận nhỏ thành viên HTX được HTX bao tiêu sản phẩm. Và bao tiêu sản phẩm cho thành viên là một hạn chế phổ biến của các HTX NLNN hiện nay.

### 2.1.4.2. Hiệu quả xã hội của HTX NLNN

**a. Khả năng phục vụ cộng đồng**

- Trung bình 31% giá trị sản phẩm dịch vụ của HTX NLNN được cung cấp cho khách hàng không phải là thành viên (quy định theo NĐ 193 là 32%). Những HTX có tỷ lệ cung ứng cho khách hàng bên ngoài cao là các HTX lâm nghiệp (50%), HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp (gần 40%), HTX có các dịch vụ công ích (đều trên 35%), và các HTX ở vùng đồng bằng (42%). Tuy nhiên, một số HTX trong nhóm này hiện nay chỉ cung ứng dịch vụ phục vụ ra bên ngoài và hoạt động phi nông nghiệp là chủ yếu.

- Khối lượng sản phẩm HTX tiêu thụ cho khách hàng không là thành viên chiếm 53,6% tổng khối lượng sản phẩm HTX tiêu thụ. Như vậy, các HTX NLNN đóng vai trò quan trọng trong việc tiêu thụ sản phẩm cho cộng đồng. Khảo sát cũng cho thấy, rất nhiều HTX có tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm cho khách hàng không là thành viên lớn, nhưng lại không tiêu thụ hết sản phẩm từ chính các hộ thành viên sản xuất ra. Nhiều hộ thành viên đã không bán sản phẩm của mình qua HTX, mà bán cho các tác nhân bên ngoài khác (thương lái, thu gom,…). Điều này cho thấy mức độ cam kết giữa thành viên với HTX còn yếu.

**b. Tham gia dịch vụ công ích phục vụ cộng đồng**

Bên cạnh việc tổ chức cung ứng các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, rất nhiều HTX đã tổ chức cung ứng các dịch vụ thiết yếu phục vụ lợi ích chung cả cả cộng đồng dân cư nông thôn (dịch vụ công ích).

- 60,9% HTX cung cấp dịch vụ công ích phục vụ sản xuất nông nghiệp (thủy lợi, khuyến nông, thú y, BVTV,….), đặc biệt là ở các HTX kiểu cũ, các HTX dịch vụ nông nghiệp tổng hợp ở vùng trung du.

- 10,9% HTX nông nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ công ích vụ phụ đời sống của dân cư nông thôn như cung ứng nước sạch, vệ sinh môi trường. Đa số HTX cung cấp dịch vụ này là các HTX được đánh giá yếu kém như: HTX kiểu cũ, HTX dịch vụ tổng hợp, HTX ở vùng trung du và đồng bằng.

### 2.1.4.3. Phân kiểu HTX trong NLNN theo hiệu quả hoạt động

Phương pháp phân kiểu theo theo thứ bậc (Hierarchical Cluster Analysis) và phương pháp tổng bình phương sai lệch nhỏ nhất (Ward’s method) được sử dụng với 2 chỉ tiêu là lợi nhuận/vốn chủ sở hữu và tỉ lệ giá trị SPDV của HTX phục vụ thành viên.

Kết quả phân kiểu đưa ra 64 HTX khảo sát có thể được chia thành 4 nhóm như sau:

Bảng 1*: Kết quả phân kiểu HTX theo 02 chỉ tiêu phản ánh sự khác biệt*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu phân kiểu HTX | HTX yếu kém | HTX HQ trung bình | HTX HQ khá | HTX hiệu quả cao |
| ***Tỷ lệ (%) HTX*** | ***28*** | ***27*** | ***39*** | ***6*** |
| Lợi nhuận của HTX/Vốn chủ sở hữu | 0,08 | 0,42 | 0,00 | 1,34 |
| Tỷ lệ (%) giá trị SPDV của HTX cung ứng cho các thành viên/ Tổng giá trị cung ứng SPDV của HTX  | 0,00 | 27,11 | 99,11 | 88,67 |

*Nguồn: Số liệu điều tra, khảo sát các HTX của Đề tài, 2014*

# 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển HTX trong NLNN

## 2.2.1. Phân tích định tính các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển HTX trong NLNN

### 2.2.1.1. Ảnh hưởng của các yếu tố nội sinh

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 174 đơn vị (16 cơ quan QLNN về HTX ở cấp tỉnh, 8 liên minh HTX, 26 cơ quan QLNN về HTX ở 26 huyện, 60 UBND các xã và 64 hợp tác xã nông nghiệp) để đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động cũng như sự phát triển của HTX trong nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm các yếu tố bên trong (yếu tố nội sinh) ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các HTX NLNN gồm:

1. Nhóm yếu tố phản ánh mục tiêu thành lập của HTX và sự tham gia của các thành viên;
2. Nhóm yếu tố phản ánh trình độ và năng lực của cán bộ quản lý HTX
3. Nhóm yếu tố về tổ chức và quản trị HTX;
4. Nhóm yếu tố về tài sản và vốn của HTX;
5. Nhóm yếu tố về tổ chức các hoạt động dịch vụ của HTX nhằm đem lại lợi ích cho thành viên

### 2.2.1.2. Ảnh hưởng của yếu tố ngoại sinh

Đó là các yếu tố tác động từ bên ngoài (yếu tố ngoại sinh), ảnh hưởng đến sự phát triển của cả phong trào HTX trên phạm vi tỉnh hoặc vùng lãnh thổ, hoặc cả nước. Những yếu tố bên ngoài gồm:

1. Sự quan tâm của hệ thống chính trị cơ sở và các chính sách hỗ trợ
2. Vai trò, trách nhiệm của các cơ quan QLNN, đơn vị hỗ trợ HTX
3. Sự thay đổi của thể chế và các quy định pháp luật về bản chất HTX
4. Quá trình triển khai chính sách và pháp luật
5. Yếu tố khác (điều kiện thị trường, sự phát triển KHCN).

## 2.2.2. Phân tích định lượng các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTX trong NLNN

Phân tích ở trên đã chỉ ra là có nhiều chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động của HTX NLNN và nhiều yếu tố có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động HTX NLNN. Phần này chúng tôi trình bày kết quả phân tích hồi quy tuyến tính để xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hiệu quả hoạt động của HTX NLNN.

Chúng tôi đã tiến hành phân tích hồi quy tuyến tính với 4 biến phụ thuộc là: i) Doanh thu của HTX/thành viên (đơn vị tính: triệu đồng); ii) Doanh thu/vốn chủ sở hữu của HTX (đơn vị tính: triệu đồng); iii) Lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu của HTX. Tỷ lệ này phản ánh khả năng sinh lời của HTX trên một đồng vốn chủ sở hữu của HTX; iv) Lợi nhuận trước thuế/thành viên HTX (đơn vị tính: triệu đồng).

Rất nhiều biến độc lập đã được đưa vào mô hình hồi quy tuyến tính để định lượng ảnh hưởng lên 4 chỉ tiêu hiệu quả nêu trên của HTX. Các biến gồm: Tỉ lệ cán bộ HTX có trình độ cao đẳng, đại học; mức độ chuyên môn hóa của HTX.

Chúng tôi đã sử dụng nhiều tổ hợp các biến độc lập để ước lượng hồi quy tuyến tính với 4 biến hiệu quả nêu trên. Tuy nhiên, do mức độ giải thích của các biến đưa vào mô hình đối với biến phụ thuộc chưa cao hoặc biến không có ý nghĩa thống kê, nên cuối cùng chỉ một mô hình với biến phụ thuộc là “Doanh thu của HTX/thành viên” được giữ lại.

Kết quả cho thấy 5 biến có ảnh hưởng có ý nghĩa là: Tỉ lệ cán bộ HTX có trình độ cao đẳng, đại học; HTX chuyên ngành; Số tiền HTX đang nợ; Tổng vốn chủ sở hữu của HTX; Tỉ lệ thành viên HTX góp vốn.

Kết quả đã chỉ rõ là cán bộ quản lý HTX có trình độ trình độ cao đẳng, đại học có tác động tích cực, làm tăng doanh thu/thành viên của HTX. Theo đó HTX càng có tỉ lệ cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học càng cao thì doanh thu/thành viên càng cao.

Biến số tiền HTX nợ có ảnh hưởng có ý nghĩa lên doanh thu/thành viên là do số nợ của HTX bao gồm cả số tiền HTX đang vay, số tiền HTX đang trả chậm các đơn vị khác do mua chậm vật tư,..Ở đây chúng tôi không tách được số tiền HTX đang vay do không nhận được đủ thông tin từ các HTX khảo sát. Tuy nhiên kết quả này cũng cho gợi ý là tăng cường vốn vay cho HTX có thể giúp HTX tăng cường hoạt động, mở rộng hoạt động dịch vụ để làm tăng doanh thu.

Tương tự, vốn chủ sở hữu của HTX có ảnh hưởng ý nghĩa lên doanh thu/thành viên của HTX. HTX càng có vốn chủ sở hữu lớn, doanh thu/thành viên càng lớn.

Sự góp vốn của thành viên cho HTX có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa đối với doanh thu/thành viên. Theo đó, nếu tỷ lệ thành viên góp vốn tăng 1% thì doanh thu/thành viên tăng 1,59 triệu đồng. Biến này phản ánh thực tế là khi thành viên đóng góp vốn thực sự cho HTX thì họ quan tâm đến việc tham gia HTX hơn. Sự tham gia thể hiện ở việc quan tâm, tham gia thảo luận về chiến lược, kế hoạch hoạt động HTX, quan tâm đến việc kiểm soát hoạt động HTX và sử dụng nhiều dịch vụ của HTX.

# CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HTX TRONG NLNN GIAI ĐOẠN 2002-2015

# 3.1. Thực trạng khung khổ luật pháp về HTX trong NLNN

## 3.1.1. Luật HTX năm 1996

Năm 1996, Luật HTX đầu tiên của nước CHXHCN Việt Nam được ban hành (có hiệu lực từ năm 1997), đánh dấu sự thay đổi tư duy lý luận về HTX, bước đầu vận dụng các giá trị và nguyên tắc HTX quốc tế, tạo cơ sở pháp lý cơ bản và lâu dài cho HTX phát triển trong bối cảnh từng bước hoàn chỉnh hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Luật HTX năm 1996 định nghĩa: *“HTX là tổ chức kinh tế tự chủ do những người lao động có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, hoạt động vì lợi ích tập thể”*.

Mặc dù đã được định nghĩa “HTX là đơn vị tự chủ”, nhưng trong thực tế hoạt động, vẫn không phá bỏ được quan niệm cũ, HTX là vừa là công cụ của chính quyền cơ sở, vừa là tổ chức nặng tính xã hội, có nghĩa vụ phục vụ chính quyền và cộng đồng.

## 3.1.2. Luật HTX năm 2003

Theo quy định Luật HTX năm 2003, HTX hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn điều lệ, vốn tích lũy và các nguồn vốn khác của hợp tác xã theo quy định của pháp luật. Luật không quy định HTX phải có tối thiểu bao nhiêu thành viên tham gia.

Nhìn chung, Luật HTX năm 2003 có tiến bộ hơn Luật HTX 1996, nhưng chưa thể hiện rõ sự khác biệt về bản chất giữa tổ chức HTX với các công ty và với tổ chức xã hội - từ thiện[[12]](#footnote-12). Đây có lẽ là một trong những nguyên nhân khiến sau gần 10 năm thực hiện Luật HTX 2003, mô hình kinh tế này đã phát triển không như mong muốn, khiến cho HTX phát triển thiếu vững chắc.

## 3.1.3. Luật HTX năm 2012

Luật HTX 2012 đã nhấn mạnh đến việc đáp ứng nhu cầu chung của các thành viên và loại bỏ yếu tố HTX hoạt động như doanh nghiệp[[13]](#footnote-13). Bản chất hoạt động của HTX theo Luật HTX năm 2012 cũng phù hợp hơn với định nghĩa, các giá trị và nguyên tắc HTX đã được Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Liên minh Hợp tác xã Thế giới (ICA) đề ra.

# 3.2. Thực trạng chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN

## 3.2.1. Thực trạng chính sách ưu đãi phát triển HTX trong NLNN

### 3.2.1.1. Chính sách ưu đãi tín dụng

Tỉ lệ HTX được vay vốn tín dụng là rất thấp. Theo thống kê của một số tỉnh khảo sát, năm 2013 chỉ khoảng 6,7% HTX NLNN được vay vốn tín dụng. Trong số 64 HTX khảo sát, có 14% HTX được vay vốn tín dụng trong năm 2013, trong đó: 1,6% HTX được vay vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX; 3% HTX được vay vốn từ các ngân hàng thương mại; còn lại 9,4% HTX được vay vốn từ các chương trình tín dụng ưu đãi. Khảo sát năm 2012 cũng cho thấy HTX NLNN chỉ chiếm 0,9% tổng dư nợ tín dụng nông nghiệp nông thôn của các tổ chức tài chính.

Các HTX thường chỉ nhận được các khoản tín dụng nhỏ, ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại. Mặc dù Nghị định 41/2010 cho phép các ngân hàng thương mại cho HTX vay tín chấp đến mức 500 triệu đồng/HTX, tuy nhiên, các HTX NLNN thường khó vay được vốn từ các ngân hàng thương mại bởi các lí do sau:

* Đa số các HTX NLNN hoạt động kém hiệu quả. Đây là nguyên nhân chủ yếu mà các ngân hàng thương mại hạn chế cấp tín dụng cho các HTX NLNN. Theo đánh giá của Bộ NN&PTNT (2014), chỉ có khoảng 10% HTX NLNN được đánh giá là hoạt động hiệu quả.
* HTX không có tài sản thế chấp. Giá trị tài sản của các HTX NLNN rất thấp, và chủ yếu dưới dạng trụ sở làm việc, đất đai, công trình hạ tầng được Nhà nước giao quản lí, sử dụng (hồ, đập, trạm bơm, kênh mương,..). Tuy nhiên các NHTM thường không coi đó là tài sản của HTX để thế chấp.
* HTX không có phương án sản xuất kinh doanh khả thi. Đa số các phương án được Ngân hàng thẩm định, đánh giá là không khả thi. Ở đây, một phần là do năng lực của cán bộ HTX yếu kém, nên chuẩn bị phương án sản xuất kinh doanh không rõ ràng.
* Nghị định 41/2010 và văn bản hướng dẫn không đưa ra cơ chế xử lý rủi ro là nguyên nhân mà các ngân hàng thương mại hạn chế cho HTX vay tín chấp. Khắc phục điểm này, Nghị định 55/2015 đã đưa ra các cơ chế xử lý rủi ro với tín dụng tín chấp nhằm tạo thuận lợi hơn cho NHTM trong việc cung cấp tín dụng tín chấp cho HTX. Tuy nhiên, cũng không hy vọng nhiều vào các cơ chế này, nhất là trong trường hợp các NHTM thiếu vốn, các NHTM cũng không ưu tiên cho tín chấp thì đòi hỏi thời gian, con người để làm các thủ tục xử lý rủi ro.

Ngoài vay NHTM, HTX NLNN còn có thể vay tín dụng từ các Quỹ hỗ trợ phát triển HTX. Hiện cả nước có khoảng 30 tỉnh/thành phố thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX và do Liên minh HTX tỉnh quản lí. Một số HTX được vay vốn ở Quỹ này với lãi suất ưu đãi, thủ tục và điều kiện vay đơn giản. Tuy nhiên, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX hiện nay có số vốn nhỏ, chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn của các HTX.

### 3.2.1.2. Chính sách ưu đãi giao đất, cho thuê đất đai

Khảo sát ở các địa phương cho thấy, việc triển khai chính sách giao đất cho HTX nông nghiệp, nhất là giao đất làm trụ sở cho HTX còn hạn chế. Cụ thể như sau:

- Ít HTX nông nghiệp được giao đất do địa phương không có quỹ đất hoặc không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất theo quy hoạch. Hiện nay, ở các địa phương đều không có quy hoạch đất dành riêng cho phát triển KTTT.

- Nhiều HTX đã được giao đất nhưng chậm được cấp GCN quyền sử dụng đất do không được chính quyền địa phương tạo điều kiện; hoặc do cả HTX và chính quyền cơ sở thiếu thông tin về chính sách giao đất lâu dài cho HTX, không nắm rõ trình tự thủ tục xin giao đất, hoặc cấp giấy chứng nhận QSD đất; hoặc do quy trình và thủ tục phức tạp.

### 3.2.1.3. Chính sách ưu đãi thuế

*- Ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp*: Theo Luật thuế TNDN năm 2013, HTX nông nghiệp chỉ được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% cho phần thu nhập của HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp. Để hưởng ưu đãi, các HTX cần phải có hệ thống tài chính kế toán minh bạch rõ ràng. Tuy nhiên, hệ thống kế toán của nhiều HTX vẫn còn yếu kém, thì đây vẫn là vấn đề khó khăn cho các HTX trong việc hưởng ưu đãi từ chính sách giảm thuế TNDN.

*- Ưu đãi thuế Giá trị gia tăng*: *(i)* HTX không phải chịu thuế GTGT đối với các sản phẩm dịch vụ: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt hải thủy sản chưa qua chế biến; sản phẩm là giống cây trồng, vật nuôi; dịch vụ nông nghiệp (tưới, tiêu nước, cày bừa, nạo vét kênh mương,…); dịch vụ tín dụng, kinh doanh chứng khoán; dịch vụ y tế, thú y, khám chữa bệnh cho người và vật nuôi; dịch vụ công cộng về vệ sinh; dạy học, dạy nghề; *(ii)* HTX và thành viên không phải chịu thuế GTGT đối với các sản phẩm thủy sản nuôi trồng, khai thác bán ra theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, nhiều HTX NN không được hoàn thuế GTGT khi mua vật tư đầu vào sản xuất do không có hóa đơn mua đầu vào.

*- Đối với thuế TNCN:* Kết quả khảo sát 64 HTX cho thấy có 7,8% số HTX phải đóng thuế TNCN cho thành viên. Các HTX phải nộp thuế trên đều phản ảnh việc hướng dẫn nộp thuế và hoàn thuế TNCN chưa rõ ràng nên không hài lòng về quy định này.

## 3.2.2. Thực trạng chính sách hỗ trợ phát triển HTX trong NLNN

### 3.2.2.1. Chính sách hỗ trợ, khuyến khích thành lập mới, tổ chức lại HTX

Luật HTX năm 2012 đòi hỏi các HTX đang hoạt động phải đăng kí lại hoạt động. Tuy nhiên, theo báo cáo của Bộ NN&PTNT, tính đến hết tháng 6/2015 mới có khoảng 2.480 HTX NLNN hoạt động theo Luật HTX năm 2012 (chiếm 23,3% tổng số HTX nông nghiệp). HTX NLNN gặp khó khăn trong chuyển đổi cho phù hợp với luật HTX 2012 do: i) Thiếu cán bộ hỗ trợ, tư vấn chuyển đổi; ii) Thiếu các văn bản hướng chuyển đổi như: vấn để tổ chức 2 bộ máy quản lí và điều hành; xác định lại tư cách thành viên HTX; xác định loại tài sản không chia của HTX,... Thiếu quy định về nguồn kinh phí, mức hỗ trợ cho chuyển đổi HTX theo Luật HTX 2012; iii) Nhiều HTX gặp khó khăn trong việc đáp ứng các quy định mới tỷ lệ SPDV cung ứng ra bên ngoài, tỷ lệ vốn góp của thành viên,….

Nhiều HTX NLNN tồn tại trên giấy tờ nhưng không hoạt động từ nhiều năm. Khoảng 20% HTX đã phá sản nhưng gặp khó khăn trong vấn đề giải thể, kể cả giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc. Hầu hết các HTX phải giải thể là những HTX hoạt động yếu kém, thua lỗ kéo dài, nên (i) HTX không thu hồi được các khoản nợ cũ của thành viên và khách hàng; (ii) Các HTX không có đủ chứng từ sổ sách, không có kế toán nên không có căn cứ để xác định chủ nợ, con nợ, số nợ; (iii) Không thể tiến hành Đại hội thành viên để lấy tỷ lệ thành viên đồng ý giải thể theo như luật định; (iv) Cũng có trường hợp một số thành viên không muốn HTX giải thể vì có lợi ích riêng với việc HTX tồn tại (sử dụng tài sản, đất đai, trang thiết bị của HTX,…).

### 3.2.2.2. Chính sách hỗ trợ bồi dưỡng, đào tạo

Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX mới đáp ứng được cho một số ít HTX, chủ yếu đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ quản lý HTX. Công tác hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX về cơ bản chưa đáp ứng nhu cầu do nguồn kinh phí hạn chế cũng như nội dung và phương thức đào tạo chưa phù hợp.

### 3.2.2.3. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Nhìn chung các địa phương đã tích cực và chủ động thực hiện các giải pháp hỗ trợ xúc tiến thương mại, hỗ trợ tiếp cận thị trường cho HTX NN. Mặc dù vậy, số lượng HTX nông nghiệp được hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường là không nhiều (mỗi tỉnh chỉ khoảng khoảng 3-5 HTX/năm). Một số bất cập, hạn chế của việc triển khai chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các HTX NLNN bao gồm:

* Các giải pháp xúc tiến thương mại nghèo nàn về nội dung và cách tổ chức thực hiện. Đa số các tỉnh chỉ tập trung vào hỗ trợ các HTX thông qua hội trợ triển lãm, hội nghị giới thiệu sản phẩm, đối thoại.
* Thiếu cơ chế hỗ trợ HTX liên kết với các tác nhân khác như doanh nghiệp để ổn định thị trường đầu ra cho sản phẩm.

### 3.2.2.4. Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới

Thời gian qua, các chính sách của Trung ương hỗ trợ KHKT cho các HTX nông nghiệp đều đã được triển khai tại các địa phương. Mặc dù vậy, quá trình triển khai các chính sách hỗ trợ ứng dụng KHKT và công nghệ mới đối với các HTX NLNN hiện còn nhiều hạn chế: i) HTX không đủ điều kiện để tiếp cận chính sách; ii) Việc bảo hộ sản phẩm đã đăng ký, xây dựng thương hiệu sản phẩm chậm, kém hiệu quả dẫn đến giải pháp ứng dụng KHCN vào sản xuất và chế biến sản phẩm chưa nâng cao được giá trị gia tăng cho sản phẩm.

### 3.2.2.5. Chính sách hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển KTXH

Các địa phương đã triển khai xây dựng được nhiều hạng mục phục vụ phát triển KT-XH tại nông thôn. Kết quả khảo sát tại 8 tỉnh cho thấy: có 21% HTX trả lời được hưởng lợi gián tiếp và trực tiếp từ các công trình trình hạ tầng nông thôn mới được đầu tư tại đia phương. Một số HTX đã được tham gia vào các dự án, chương trình phát triển KTXH ở địa phương. Tuy nhiên, hầu hết các HTX khẳng định khó tiếp cận và tham gia vào các chương trình này. Nguyên nhân chính là do năng lực về tài chính và trình độ chuyên môn của HTX hạn chế nên không đủ sức cạnh tranh với doanh nghiệp.

### 3.2.2.6. Chính sách hỗ trợ khác đối với HTX NLNN

Nhiều địa phương đã triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ cho nông dân và HTX khi mất mùa do thiên tại, dịch bệnh và hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất, thu hoạch, chế biến sản phẩm nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch. Tuy nhiên, việc triển khai một số chính sách ưu đãi khác đối với HTX nông nghiệp còn nhiều bất cập. Điển hình là các HTX muối và HTX áp dụng công nghệ cao (nhà kính) thường xuyên gặp rủi ro do thiên tai nhưng không được hỗ trợ kịp thời theo Quyết định 142/2009/QĐ-TTgvà Quyết định 49/2012/QĐ-TTg nên gặp nhiều khó khăn trong sản xuất.

# 3.3. Thực trạng tổ chức bộ máy QLNN đối với HTX NLNN

Nhìn chung, công tác QLNN đối với HTX NLNN hiện có một số bất cập sau:

- Tổ chức bộ máy QLNN về HTX chưa được kiện toàn, thiếu sự thống nhất

- Có sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ QLNN giữa các cơ quan

- Cán bộ QLNN về HTX thiếu về số lượng, yếu về trình độ chuyên môn

- Nhận thức về HTX và nhiệm vụ QLNN về HTX của chính quyền địa phương còn hạn chế dẫn đến những can thiệp không phù hợp trong QLNN đối với HTX.

# 3.4. Hạn chế, nguyên nhân hạn chế của chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN và QLNN đối với HTX trong NLNN

## 3.4.1. Những hạn chế, nguyên nhân hạn chế của Luật và thực hiện Luật HTX 2012

### 3.4.1.1. Những hạn chế của Luật và thực hiện Luật HTX năm 2012

**a. Những điểm hạn chế trong Luật HTX năm 2012**

Mặc dù có nhiều điểm mới, tuy nhiên Luật năm 2012 có những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến sự phát triển của các HTX, đó là:

- Việc tên gọi của các cơ quan quản lý điều hành trong HTX theo Luật HTX 2012 đã hoàn toàn thay đổi, không còn được gọi là Đại hội Xã viên, Ban quản trị mà sử dụng các tên gọi giống như các cơ quan trong cơ cấu tổ chức của Doanh nghiệp được quy định trong Luật doanh nghiệp 2005. Như vậy, việc nỗ lực biến HTX thành hoặc gần giống đến mức gây nhầm lẫn với các loại hình công ty là quy định không phù hợp và mâu thuẫn với chính mục đích của Luật HTX 2012 khi cố gắng để khẳng định HTX không phải là Doanh nghiệp, không có hoạt động giống như Doanh nghiệp;

- Luật HTX 2012 quy định người đại diện theo pháp luật của HTX chỉ là chủ tịch Hội đồng quản trị (thay vì trước đây theo Luật 2003 có thể là Chủ nhiệm hoặc trưởng ban quản trị tùy thuộc vào từng mô hình) là cách quy định này khá cứng nhắc và làm cho vai trò của Giám đốc/Tổng giám đốc trong HTX sẽ khá mờ nhạt.

- Việc quy định mở rộng quyền được làm thành viên HTX của đối tượng là người nước ngoài cư trú tại Việt nam có thể dẫn đến nguy cơ người nước ngoài thành lập HTX tại Việt Nam, tận dụng các lợi thế và các chính sách ưu đãi đối với HTX để kinh doanh và có thể gây thiệt hại cho các chủ thể khác trong nước, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Vấn đề tỷ lệ cung ứng dịch vụ ra thị trường không quá 32% tổng giá trị cung ứng sản phẩm, dịch vụ của HTX đối với lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp (Theo quy định khoản a, khoản b, điều 5, Nghị định 193)  là quy định cứng, chỉ có thể áp dụng đối với một số loại hình hoạt động của một số HTX.

- Về vấn đề tỷ lệ góp vốn của các thành viên được quy định tại điều 17 của Luật HTX 2012*: “Đối với hợp tác xã, vốn góp của thành viên thực hiện theo thỏa thuận và theo quy định của điều lệ nhưng không quá 20% vốn điều lệ của hợp tác xã. Đối với Liên hiệp hợp tác xã, vốn góp của hợp tác xã thành viên thực hiện theo thỏa thuận và theo quy định của điều lệ nhưng không quá 30% vốn điều lệ của Liên hiệp hợp tác xã”*. Quy định này vô hình chung quy định này đang gây rất nhiều khó khăn cho tổ chức và hoạt động của HTX. Muốn duy trì và tăng vốn hoạt động, trong khi những thành viên có hoàn cảnh khó khăn không thể góp vốn thì sẽ vi phạm pháp luật, muốn thực hiện đúng luật thì chỉ còn cách rút vốn hoạt động để bảo đảm tỷ lệ đúng theo quy định và như vậy tiềm lực của HTX đã yếu còn yếu hơn.

**b. Những điểm hạn chế trong việc tổ chức, đăng ký lại HTX theo Luật HTX 2012**

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT[[14]](#footnote-14), tính đến hết năm 2015, cả nước có 19 liên hiệp HTX và 10.902 HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp và diêm nghiệp. Tuy nhiên, mới có khoảng 29,38% HTX NLNN hoạt động theo Luật HTX năm 2012 (trong đó HTX cũ đã đăng ký lại hoạt động theo Luật chiếm 18,87%).

Đây là các vấn đề khó khăn chủ yếu của các HTX trong việc chuyển đổi.

- Khó khăn trong việc chuyển đổi tổ chức bộ máy quản lý

- Khó chấm dứt tư cách thành viên HTX đối với thành viên không đáp ứng yêu cầu

- Cơ chế góp vốn và phân bổ lợi nhuận không đúng quy định trong Luật HTX 2012

- Nhiều HTX không đáp ứng quy định về tỷ lệ cung ứng SPDV cho thành viên

- Nhiều HTX hoạt động khó khăn, ngừng hoạt động nhưng không giải thể được.

### 3.4.1.2. Các nguyên nhân hạn chế trong thực hiện Luật HTX 2012

1. **Nguyên nhân các HTX chuyển đổi gặp nhiều khó khăn**

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ HTX NLTS còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo điều hành các hoạt động SXKD

- Việc chấm dứt tư cách thành viên đối với các thành viên HTX không đủ điều kiện gặp khó khăn do: 1) Một số thành viên HTX là các cán bộ xã, do đó HTX không muốn động chạm đến các đối tượng này vì nhiều HTX chịu sự chỉ đạo, định hướng từ Đảng ủy, chính quyền địa phương; 2) HTX không muốn động chạm đến quyền lợi của thành viên đối với phần tài sản không chia của HTX.

- Nhiều thành viên HTX NLTS (34%) không góp vốn điều lệ HTX theo quy định[[15]](#footnote-15).

- Nội dung hoạt động của HTX đa phần còn hạn hẹp, mới chỉ thực hiện được một số dịch vụ đầu vào cho sản xuất nông nghiệp.

1. **Nguyên nhân các HTX gặp khó khăn không giải thể được**

- Thiếu các chính sách và hướng dẫn giải thể HTX, nhất là trường hợp giải thể bắt buộc.

- Việc giải thể HTX còn gặp nhiều vướng mắc ở ngay chính bản thân các HTX này, cụ thể: HTX hoạt động yếu kém, thua lỗ kéo dài và không còn vốn hoạt động nên khó thu hồi vốn góp của xã viên (vốn điều lệ); HTX không có đủ chứng từ sổ sách làm căn cứ xác định các khoản nợ.

## 3.4.2. Những hạn chế, nguyên nhân hạn chế của chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN

### 3.4.2.1. Những hạn chế của chính sách phát triển HTX NLNN

Việc thực hiện các chính sách còn nhiều hạn chế sau:

i) Số lượng và tỷ lệ các HTX tiếp cận được các chính sách rất thấp. Trong 12 nhóm chính sách hỗ trợ được thống kê mỗi năm cao nhất mới có khoảng gần 3%, thấp nhất có nhóm chỉ đạt 0,13% số HTX tiếp cận được chính sách.

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX NLNN được xem là có hoạt động triển khai thực hiện tốt hơn cả với 57.729 lượt cán bộ HTX NLNN được đào tạo, tập huấn trong 2 năm qua, riêng năm 2015 dự kiến đào tạo, bồi dưỡng 21.092 lượt cán bộ HTX NLNN. Tuy nhiên, chất lượng và hiệu quả đào tạo chắc chắn còn nhiều hạn chế.

### 3.4.2.2. Các nguyên nhân hạn chế của chính sách phát triển HTX trong NLNN

- Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, trong khi khả năng hiểu biết pháp luật của cán bộ và xã viên HTX còn hạn chế.

- Chính sách được ban hành nhưng thiếu giải pháp về nguồn lực để thực thi.

- Nhiều chính sách hỗ trợ mang tính cào bằng, chưa ưu tiên khuyến khích HTX tham gia các dịch vụ cộng đồng.

## 3.4.3. Những hạn chế, nguyên nhân hạn chế trong QLNN đối với phát triển HTX NLNN

### 3.4.3.1. Những hạn chế trong QLNN đối với phát triển HTX NLNN

Công tác QLNN đối với HTX NLNN hiện có một số bất cập sau:

- Tổ chức bộ máy QLNN về HTX chưa được kiện toàn, thiếu sự thống nhất

- Có sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ QLNN giữa các cơ quan

- Cán bộ QLNN về HTX thiếu về số lượng, yếu về trình độ chuyên môn

- Nhận thức về HTX và nhiệm vụ QLNN về HTX của chính quyền địa phương còn hạn chế dẫn đến những can thiệp không phù hợp trong QLNN đối với HTX.

### 3.4.3.2. Các nguyên nhân hạn chế trong QLNN đối với phát triển HTX NLNN

- Mặc dù Luật HTX năm 2012 và Nghị định 193 đã quy định rõ hơn về tổ chức bộ máy QLNN đối với HTX nhưng chỉ quy định trách nhiệm chung. Bộ NN&PTNT chưa quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong Bộ. Ở địa phương cũng chưa thống nhất đơn vị nào thực hiện, cũng như quy định nhiệm vụ cụ thể của cá nhân tham gia.

- Chưa có cơ quan chuyên trách hỗ trợ phát triển HTX, lẫn lộn chức năng QLNN và hỗ trợ các HTX trong việc thành lập, chuyển đổi, giải thể và tổ chức hoạt động của HTX.

- Thiếu quy định và công cụ theo dõi, giám sát thông tin về tình hình phát triển HTX.

# 3.5. Khó khăn và nhu cầu chính sách hỗ trợ của các HTX NLNN

## 3.5.1. Khó khăn của các HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp

Mặc dù có một số HTX thành công, hoạt động hiệu quả cao, đa số các HTX trong NLNN hoạt động kém hiệu quả và gặp nhiều khó khăn, đó là:

- HTX khó tiếp cận vay vốn tín dụng.

- Hạn chế về năng lực của cán bộ HTX.

- HTX gặp khó khăn khi tham gia liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho thành viên.

- HTX gặp khó khăn trong việc đổi mới, ứng dụng KHCN vào sản xuất.

- Khó khăn của từng loại hình HTX: i) Khó khăn của HTX trồng trọt: khi bị thiệt hại do thiên tai, HTX không nhận được các hỗ trợ do công tác thống kê, xác minh không kịp thời hoặc do tỉnh không có ngân sách hỗ trợ; ii) Khó khăn của HTX chăn nuôi: các HTX chăn nuôi trong nước vẫn đang phải chịu thuế VAT đầu vào là 5% khiến các hộ chăn nuôi, HTX chăn nuôi trong nước khó cạnh tranh với các Doanh nghiệp chăn nuôi nước ngoài tại Việt Nam; iii) Khó khăn của các HXT lâm nghiệp: chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết, sâu bệnh, cháy rừng, địa bàn rộng lớn, rất khó khăn trong việc tổ chức, chỉ đạo, điều hành sản xuất; cơ sở hạ tầng, trình độ dân trí, thu nhập của người dân thấp, thành viên là người DTTS; iv) Khó khăn của HTX thủy sản: thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra bấp bênh; các HTX khai thác thủy sản xa bờ thiếu vốn để đóng tàu, xây dựng cơ sở hạ tầng và phương tiện dịch vụ nghề cá; v) Khó khăn của các HTX diêm nghiệp: Cơ sở hạ tầng đồng muối của các HTX diêm nghiệp xuống cấp, cung cấp nước và tiêu nước ngọt bị hạn chế dẫn đến làm giảm năng suất, chất lượng muối; Công nghệ sản xuất muối của HTX diêm nghiệp lạc hậu, năng suất, chất lượng muối thấp, giá thành cao.

## 3.5.2. Nhu cầu chính sách của các HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp

Từ những khó khăn đang gặp phải, các HTX NLNN qua khảo sát mong muốn, đề xuất những chính sách sau:

- Hỗ trợ HTX được tiếp cận vay vốn thuận lợi: i) Cho phép HTX có thể thế chấp tài sản của HTX hình thành từ vốn vay để vay vốn ngân hàng.

- Hỗ trợ, thúc đẩy việc chuyển đổi, giải thể HTX: Cần có tài liệu hướng dẫn, trình tự, thủ tục thực hiện giải thể, đăng ký lại, tổ chức lại hoạt động HTX theo Luật HTX 2012.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ HTX, quản lý HTX: Có chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ HTX; Đào tạo ngắn hạn cần tập trung về: QLNN; điều hành HTX; quản lí tài chính, thị trường, phương án SXKD; Hỗ trợ đào tạo dài hạn cho cán bộ HTX

- Hỗ trợ hoạt động cho các HTX NLNN: Cần có chính sách khuyến khích, hỗ trợ HTX phát triển các hoạt động dịch vụ; Chính quyền địa phương cần xây dựng các chương trình hành động hỗ trợ HTX; Giao cho HTX thực hiện một số dịch vụ công ở nông thôn; Nhà nước xem xét hỗ trợ kinh phí giai đoạn đầu cho HTX thuê giám đốc.

- Hỗ trợ HTX NLNN xây dựng thương hiệu, chứng nhận chất lượng sản phẩm: Hỗ trợ kinh phí cho HTX đăng bạ chứng nhận nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm của HTX; Hỗ trợ kinh phí cho HTX in nhãn mác, bao bì nhằm thương mại hóa sản phẩm có chứng nhận; ưu tiên hỗ trợ HTX tham gia các chương trình quảng bá, hội chợ giới thiệu sản phẩm.

- Có chính sách hỗ trợ đặc thù cho từng loại HTX:

+) Đối với HTX trồng trọt: Hỗ trợ HTX tổ chức cung cấp các dịch vụ phục vụ xã viên như làm đất, thu hoạch, chăm sóc, cung cấp dịch vụ BVTV; Hỗ trợ HTX tổ chức hoạt động thu gom, chế biến, sơ chế sản phẩm sau thu hoạch.

+) Đối với HTX chăn nuôi: Hỗ trợ HTX tổ chức cung cấp dịch vụ thú y, khử trùng, vệ sinh môi trường chăn nuôi; tổ chức cung cấp dịch vụ thụ tinh nhân tạo gia súc gia cầm cho thành viên; Hỗ trợ kinh phí xây dựng lò mổ, khu chế biến (máy móc, nhà xưởng), giao hoặc cho thuê đất để xây dựng khu giết mổ, chế biến; Hỗ trợ chi phí xây dựng đường giao thông, đường điện, xử lý môi trường đến bờ rào khu sản xuất tập trung; Hỗ trợ chi phí xây dựng khu xử lý vệ sinh môi trường tập trung bên trong khu chăn nuôi tập trung.

+) Đối với HTX lâm nghiệp: Hỗ trợ HTX các trang thiết bị phục vụ phòng, chữa cháy rừng để quản lý và bảo vệ rừng; Hỗ trợ cơ sở hạ tầng lâm nghiệp phục trồng, khai thác, chăm sóc và bảo vệ rừng.

+) Đối với HTX nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ chi phí mua máy phun thuốc khử trùng, dụng cụ thú y, máy móc phục vụ vệ sinh môi trường ao nuôi, dụng cụ phòng hộ lao động và bảo quản thuốc; Hỗ trợ chi phí tổ chức đào tạo, tập huấn cho hộ thành viên; hỗ trợ phí sử dụng chứng nhận chất lượng sản phẩm theo quy trình trong 3 năm; Hỗ trợ chi phí mua máy phun thuốc khủ trùng ao nuôi, dụng cụ thú y, máy móc phục vụ vệ sinh ao nuôi và dụng cụ bảo quản hóa chất khủ trùng, thuốc thú y; Hỗ trợ chi phí xây dựng đường giao thông, đường điện, hệ thống cung cấp và thoát nước, công trình xử lý môi trường đến bờ rào khu nuôi trồng tập trung; Hỗ trợ chi phí xây dựng hệ thống cung cấp và thoát nước nội khu nuôi trồng thủy sản tập trung.

+) Đối với HTX khai thác thủy hải sản: Hỗ trợ máy thông tin liên lạc tích hợp định vị (ICOM) tầm xa cho tầu mẹ, máy ICOM tầm trung cho mỗi tàu đánh bắt; hỗ trợ kinh phí mua máy dò cá cho các HTX tổ chức đánh bắt xa bờ; Hỗ trợ chi phí cho thuê đất dài hạn để xây dựng kho hậu cần của HTX.

+) Đối với HTX diêm nghiệp: Hỗ trợ HTX kinh phí xây dựng kho và thiết bị để bảo quản muối tập trung; hỗ trợ chi phí đầu tư xưởng chế biến muối tập trung; đầu tư xây dựng công trình giao thông và thủy lợi nội đồng, công trình điện hạ thế phục vụ sản xuất muối.

# CHƯƠNG IV: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TRONG NLNN THỜI GIAN TỚI

# 4.1. Quan điểm về chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN

## 4.1.1. Quan điểm đối với pháp luật HTX

- Xây dựng khung pháp luật HTX phải phù hợp với bản chất của HTX, và phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX hoạt động và phát triển một cách tự chủ, vững chắc.

- Bản chất HTX phải được Luật pháp quy định phù hợp với định nghĩa, các giá trị và nguyên tắc HTX theo thông lệ quốc tế đã được Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Liên minh Hợp tác xã Thế giới (ICA) đề ra, đó là: (i) gia nhập tự nguyện và tất cả mọi đối tượng đều có thể tham gia; (ii) quyền lực được các thành viên thực hiện một cách dân chủ; (iii) các thành viên được bình đẳng tham gia vào hoạt động kinh tế; (iv) tính tự chủ và độc lập; (v) đào tạo, tập huấn và thông tin; (vi) hợp tác giữa các HTX; (vii) cam kết với cộng đồng.

- Luật HTX là khung khổ quy định tính đặc thù của nội hàm “hợp tác” trong “hợp tác xã”. HTXlà một tổ chức kinh tế do thành viên lập ra nhằm mục đích hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình, từ đó giúp thành viên cải thiện hoạt động kinh tế, thu nhập, nâng cao mức sống của thành viên; thành viên vừa là chủ sở hữu vừa là người sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. HTX trước hết phải bảo đảm cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho thành viên theo nhu cầu của thành viên.

- HTX NLNN là một hình thái tổ chức sản xuất của tác nhân sản xuất nông nghiệp, dựa trên nguyên tắc cơ bản là tự nguyện, bình đẳng và dân chủ. Xây dựng luật pháp cần tạo môi trường thuận lợi để các HTX tự phát triển đảm bảo HTX là một đơn vị hoạt động độc lập, tự chủ, cạnh tranh bình đẳng với các tác nhân khác dựa trên lợi thế của hành động tập thể. Phát triển các HTX phù hợp với nhu cầu của người nông dân, phù hợp với quy mô sản xuất của hộ, đặc điểm hệ thống sản xuất và đặc trưng lĩnh vực, vùng miền.

## 4.1.2. Quan điểm về các chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN

- Chính sách của Nhà nước không bình quân mà tập trung vào khuyến khích, hỗ trợ phát triển những HTX NLNN hoạt động có hiệu quả và phục vụ tốt nhu cầu cho các thành viên và cộng đồng. Ngược lại, những HTX hoạt động thua lỗ, mang tính hình thức, tổ chức hoạt động không theo đúng bản chất của HTX, thành viên không tha thiết với HTX thì Nhà nước cần có các giải pháp xử lý các tồn đọng để các HTX có thể giải thể theo quy định của pháp luật.

- HTX là một tổ chức kinh tế tập thể, tự chủ trong phát triển để trở thành một đơn vị kinh tế hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, cạnh tranh bình đẳng với các tổ chức kinh tế khác trong nền kinh tế thị trường. Do đó, chính sách phát triển HTX của Nhà nước chỉ ưu đãi, hỗ trợ các HTX trong thời kỳ nhất định, chủ yếu là giai đoạn HTX mới thành lập mới, chuyển đổi. Không hỗ trợ lâu dài mà chỉ tạo thuận lợi để các HTX tự phát triển.

- HTX NLNN có đặc thù là các thành viên là các hộ gia đình, sản xuất nông nghiệp Việt Nam quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ, phân tán, nhiều rủi ro, trình độ và ý thức của người sản xuất còn hạn chế, đặc biệt là các địa bàn miền núi, địa bàn khó khăn, địa bàn dân tộc thiểu số. Vì vậy, cần có chính sách đặc thù cao hơn nhằm khuyến khích HTX NLNN hoạt động ở địa bàn khó khăn này.

## 4.1.3. Quan điểm về quản lí Nhà nước đối với HTX trong NLNN

- Nhà nước giữ vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ phát triển HTX cả về số lượng và chất lượng. Nhà nước hỗ trợ HTX NN quản trị minh bạch, hoạt động có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của thành viên, hỗ trợ thành viên cạnh tranh tốt hơn trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Có sự chia sẻ trách nhiệm giữa chính quyền trung ương và địa phương, khuyến khích sự sáng tạo và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ HTX NLNN phát triển.

- Nhà nước tập trung hỗ trợ HTX NLNN các hoạt động nhằm năng cao giá trị gia tăng, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm của HTX; các hoạt động chung của HTX nhằm thúc đẩy hợp tác liên kết giữa các thành viên của HTX và thúc đẩy hợp tác, liên kết của HTX với các tác nhân khác trong chuỗi giá trị liên kết.

# 4.2. Mục tiêu của chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN

Mục tiêu của chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN gồm:

1. Giúp HTX thực hiện các thủ tục để tổ chức lại, giải thể theo quy định của Luật HTX năm 2012 và theo nguyện vọng của các thành viên.
2. Giúp các HTX xây dựng điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ theo quy định của Luật HTX năm 2012 và các văn bản chính sách liên quan.
3. Giúp HTX hình thành các bộ phận chức năng của hệ thống tổ chứ, đáp ứng các nhu cầu của thành viên HTX.
4. Giúp HTX thực hiện các công việc chuyên môn liên quan đến hoạt động phục vụ thành viên của HTX.
5. Giúp HTX tiếp cận thuận lợi thị trường, các nguồn lực phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ thành viên có liên quan.
6. Giúp HTX mở rộng các hoạt động phục vụ cộng đồng theo năng lực của HTX và nhu cầu của xã hội.
7. Giúp HTX thực hiện kiện toàn, đánh giá thường xuyên về tổ chức và hoạt động theo Luật HTX năm 2012.

# 4.3. Hoàn thiện Luật HTX, các chính sách và giải pháp phát triển HTX, thực hiện QLNN đối với HTX trong NLNN

## 4.3.1. Hoàn thiện Luật HTX nhằm thúc đẩy phát triển HTX trong NLNN

Trước hết cần khẳng định bản chất của HTX theo định nghĩa trong Luật HTX năm 2012 (Khoản 1, Điều 3) là hoàn toàn phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình thực tiễn ở Việt Nam. Tuy nhiên, một số điểm cần được làm rõ trong Luật HTX năm 2012 đó là:

*1. Xem xét lại nguyên tắc hoạt động của HTX:*

Khoản 5, Điều 7 của Luật HTX quy định nguyên tắc thứ 5 của HTX đó là: *“Thành viên, hợp tác xã thành viên và hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có trách nhiệm thực hiện cam kết theo hợp đồng dịch vụ và theo quy định của điều lệ. Thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được phân phối chủ yếu theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên, hợp tác xã thành viên hoặc theo công sức lao động đóng góp của thành viên đối với hợp tác xã tạo việc làm”*.

Thực tế đối với Quỹ TDND hiện có 2 loại phân phối, đó là: i) Phân phối theo công sức đóng góp (cán bộ nhân viên quỹ) và; ii) Phân phối theo sử dụng dịch vụ (người vay, người gửi). Như vậy người vay, gửi đương nhiên đã được hưởng lợi nhuận do hoạt động, vay, gửi tiền rồi thì không thể phân phối lợi nhuận nữa. Do vậy, Luật cần sửa nguyên tắc này theo hướng mở như sau: Thực hiện cam kết theo hợp đồng dịch vụ và quy định của điều lệ, phân phối thu nhập theo quy định của điều lệ.

*2. Về quy định số HTX thành viên tối thiểu tham gia Liên hiệp HTX*

Khoản 1, Điều 3, Luật HTX năm 2012 quy định*: “Liên hiệp HTX là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 04 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau…”* nhưng thực tế có ít liên hiệp HTX vì nên nếu theo Luật phải có ít nhất 04 HTX thì mới có thể sáng lập nên 01 liên hiệp HTX thì khó. Trong khi chúng ta đang cần các HTX liên kết lại với nhau để tạo thêm sức mạnh, sức cạnh tranh. Vì vậy đề nghị sửa thành: *“Liên hiệp HTX là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 03 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau…”.*

*3. Về giới hạn tỷ lệ góp vốn điều lề của thành viên không quá 20%*

Khoản 1, Điều 17 của Luật HTX năm 2012 quy định vốn góp của thành viên thực hiện theo thỏa thuận và theo quy định của Điều lệ nhưng không quá 20% vốn điều lệ của HTX. Điều này là không phù hợp với thực tế vì mô hình HTX sản xuất kinh doanh cần nhiều vốn trong khi đó có những thành viên không đủ điều kiện để góp vốn mặt khác có những thành viên lại có điều kiện nhưng lại không được góp quá 20%. Vì vậy cần sửa đổi Luật cho phép các thành viên được góp vốn không quá 30% như Luật HTX năm 2003 và tạo điều kiện để các HTX, lĩnh vực kinh tế tập thể phát triển.

*4. Việc giới hạn việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ ra thị trường bên ngoài.*

Khoản 13, Điều 21 của Luật HTX năm 2012 quy định *“Tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, việc làm mà hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cam kết cung ứng, tiêu thụ cho thành viên, hợp tác xã thành viên ra thị trường cho từng lĩnh vực, loại hình theo quy định của Chính phủ”*.

Như định nghĩa của HTX theo Luật HTX 2012 (Điều 3), HTX được thành lập trước hết là để đáp ứng nhu cầu chung của xã viên. Đây là bản chất kinh tế rất quan trọng làm cho hợp tác xã phát triển bền vững. Giới hạn tỷ lệ dịch vụ mà HTX được cung ứng ra thị trường bên ngoài là tôn trọng bản chất của HTX. Tỷ lệ này không cố định mà cần được tính toán sao cho phù hợp với tình hình cụ thể từng quốc gia, từng thời kỳ. Việc để Chính phủ quy định tỷ lệ sản phẩm, dịch vụ mà HTX cung ứng ra thị trường bên ngoài như trong Luật là phù hợp. Bất luận hoàn cảnh nào thì tỷ lệ này không nên cao hơn 50%.

Tuy nhiên, vấn đề tỷ lệ cung ứng dịch vụ ra thị trường không quá 32% tổng giá trị cung ứng sản phẩm, dịch vụ của HTX đối với lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp (Theo quy định khoản a, khoản b, điều 5, Nghị định 193)  là quy định cứng, chỉ có thể áp dụng đối với một số loại hình hoạt động của HTX. Một số loại hình dịch vụ đặc thù như dịch vụ làm đất, dịch vụ nước tưới tiêu, dịch vụ giống, phân bón thuốc trừ sâu, vv… để tạo điều kiện cho các HTX vừa giữ được bản chất của HTX, vừa hoạt động có hiệu quả thì chỉ cần quy định được cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng không phải là thành viên khi đã hoàn thành nghĩa vụ với thành viên của HTX.

*5. Về quy định thời gian làm việc tối thiểu và sử dụng dịch vụ của thành viên HTX*

Mục c, Khoản 1, Điều 16 của Luật HTX năm 2012 quy định: *“Thành viên không làm việc trong thời gian liên tục theo quy định của điều lệ nhưng không quá 02 năm thì sẽ bị chấm dứt tư cách thành viên”*. Thực tế đối với HTX sản xuất kinh doanh thì thời gian trên là quá dài, không phù hợp, cần sửa đổi là: thời gian không làm việc liên tục không quá 01 năm thì sẽ chấm dứt tư cách thành viên.

Khoản 5, Điều 21 của Luật HTX năm 2012 quy định: *“Mức độ thường xuyên sử dụng sản phẩm, dịch vụ; giá trị tối thiểu của sản phẩm, dịch vụ mà thành viên, hợp tác xã thành viên phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ của HTX, liên hiệp HTX nhưng không quá 03 năm; thời gian liên tục không làm việc cho hợp tác xã tạo việc làm nhưng không quá 02 năm”*. Thời gian trên cũng là quá dài đối với HTX. Cần sửa đổi là: “Mức độ thường xuyên sử dụng sản phẩm, dịch vụ; giá trị tối thiểu của sản phẩm, dịch vụ mà thành viên, hợp tác xã thành viên phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ của HTX, liên hiệp HTX nhưng không quá 01 năm; thời gian liên tục không làm việc cho hợp tác xã tạo việc làm nhưng không quá 01 năm”.

6. Trong Luật HTX 2012 có nói về HTX tạo việc làm, nhưng Luật lại không nói rõ thế nào là HTX tạo việc làm, điều đó gây khó khăn trong việc triển khai. Cần đưa vấn đề này vào trong Luật.

*7. Về quy định số lượng đại biểu tham dự đại hội thành viên*

Mục c, Khoản 4, Điều 30 Luật HTX năm 2012 quy định: *“Số lượng đại biểu tham dự đại hội đại biểu thành viên do điều lệ quy định nhưng phải đảm bảo: không được ít hơn 200 đại biểu đối với HTX, liên hiệp HTX có trên 1000 thành viên, hợp tác xã thành viên”*.

Thực tế với các HTX dịch vụ nông nghiệp, mỗi HTX thường có trên 1.000 thành viên và đó là các hộ gia đình làm nghề nông nghiệp là chủ yếu. Nếu các HTX thực hiện đúng theo Luật thì mỗi năm Đại hội thành viên dù là Đại hội nhiệm kỳ hay Đại hội thường niên thì việc HTX phải mời từ 200 đại biểu thành viên trở lên là một khó khăn với các HTX dịch vụ nông nghiệp. Vậy nên đề nghị với các HTX dịch vụ nông nghiệp thì dù có trên 1.000 thành viên trở lên thì số đại biểu được mời tham dự Đại hội là 10% thành viên để giảm bớt những khó khăn cho các HTX và để các HTX thực hiện một cách khả thi Luật.

## 4.3.2. Hoàn thiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển HTX trong NLNN

### 4.3.2.1. Hoàn thiện các chính sách ưu đãi để phát triển HTX trong NLNN

**a. Hoàn thiện chính sách ưu đãi tín dụng cho HTX NLNN**

1. Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã ở cấp tỉnh. Quỹ hoạt động theo các nguyên tắc sau:
* Tối thiểu 50% kinh phí của Quỹ dành cho HTX NLNN;
* Quỹ hỗ trợ HTX nông nghiệp các nội dung sau: cho HTX vay; bảo lãnh vốn vay ở các tổ chức tín dụng; hỗ trợ hoạt động của HTX như hỗ trợ HTX xây dựng thương hiệu sản phẩm, hỗ trợ các hoạt động chung nhằm thúc đấy sự tham gia, sự hợp tác của các thành viên với HTX, hỗ trợ nâng cao năng lực của HTX.

Cần sửa đổi Nghị định 193 theo hướng bổ sung các quy định trên.

1. Hợp tác xã nông nghiệp khi vay vốn các ngân hàng thương mại nhà nước để đầu tư thiết bị và ứng dụng công nghệ cao phục vụ sản xuất, kinh doanh được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất tiền vay.
2. Quy định sử dụng kết quả kiểm toán HTX là công cụ bảo đảm tín chấp. HTX có kết quả kiểm toán được đánh giá tốt 3 năm liền có thể được coi như HTX hoạt động có hiệu quả, làm căn cứ cho vay tín chấp. Cần bổ sung điều khoản này vào Nghị định 55/2015.
3. Có quy định cho phép HTX sử dụng tài sản của thành viên làm tài sản thế chấp
4. Cho phép sử dụng quyền sử dụng đất được giao cho HTX như tài sản thế chấp.
5. Nghiên cứu thành lập quỹ ủy thác tín dụng nông nghiệp để cung cấp vốn cho HTX NN. Ngân sách Trung ương cấp vốn cho Quỹ tín dụng ủy thác. Quỹ tín dụng ủy thác cho vay với lãi xuất ưu đãi, không thế chấp tài sản cho các HTX để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ chung cho các thành viên HTX. Quỹ được ủy thác cho Ngân hàng nông nghiệp quản lý tiền, nghiệp vụ kế toán tài chính. Hội đồng tư vấn quyết định lựa chọn đối tượng và số tiền vay. Hội đồng tư vấn gồm đại diện ngân hàng nông nghiệp, liên minh HTX VN, Sở NN&PTNT, Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh. Các HTX có phương án sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư được đánh giá khả thi, có báo cáo kiểm toán hoạt động của HTX trong năm trước năm xin vay vốn được xem xét cho vay.

**b. Hoàn thiện chính sách ưu đãi giao đất, cho thuê đất cho HTX NLNN**

- Hỗ trợ kinh phí HTX thuê đất của thành viên và đất của người không phải thành viên để mở rộng sản xuất;

- Hỗ trợ đất cho HTX xây dựng trụ sở trong trường hợp HTX có dịch vụ cộng đồng phục vụ đa số hộ gia đình trong địa bàn hoạt động.

- Ưu tiên HTX thuê đất để mở rộng sản xuất.

- Hỗ trợ 50% tiền đền bù giải phóng mặt bằng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mặt nước của hợp tác xã nông nghiệp từ các hộ gia đình, cá nhân không phải là thành viên hợp tác xã để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh tập trung.

- Hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân không phải là thành viên hợp tác xã để thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh tập trung trong thời gian 5 năm.

- Đất HTX thuê dài hạn thì được sử dụng làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng.

**c. Hoàn thiện chính sách ưu đãi thuế cho HTX NLNN**

- Nâng mức thuế suất ưu đãi thuế TNDN trong Nghị định số 218/2013/NĐ-CP cho HTX NLNN được hưởng (hiện nay là 10%) từ thu nhập của HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp không thuộc địa bàn KT-XH khó khăn và ĐBKK.

- Hoàn thuế GTGT cho HTX khi HTX khi mua vật tư đầu vào phục vụ sản xuất của hộ thành viên nhưng không có hóa đơn mua vật tư đầu vào. Trong trường hợp này, chỉ cần giấy xác nhận của UBND cấp xã.

- Tư vấn, hỗ trợ HTX lập sổ sách theo dõi kế toán; lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế hàng năm, hàng quý.

### 4.3.2.2. Hoàn thiện các chính sách khuyến khích phát triển HTX trong NLNN

**a. Chính sách, giải pháp hỗ trợ HTX tổ chức lại theo đúng Luật HTX 2012**

Chính sách, giải pháp hỗ trợ 2 nhóm HTX chưa tổ chức, đăng ký lại theo Luật HTX năm 2012 này như sau:

* ***Đối với các HTX đủ điều kiện tổ chức, đăng ký lại theo Luật HTX 2012:***

Có khoảng 60,87% HTX trong NLNN của cả nước thuộc nhóm này.

- Nhà nước hỗ trợ xử lý khoản nợ tồn đọng của HTX để HTX có thể tổ chức, đăng ký lại theo quy định của Luật HTX và các văn bản pháp luật liên quan.

- Ban hành văn bản hướng dẫn định giá tài sản, phương án xử lý tài sản, xử lý nợ của HTX trong trường hợp HTX chuyển đổi, phá sản.

- Hỗ trợ tổ chức lại bộ máy hoạt động của HTX, xây dựng lại phương án sản xuất kinh doanh cho HTX. Tổ chức lại các HTX theo hướng HTX chuyên ngành, HTX dịch vụ. Các HTX kiểu cũ, toàn dân chủ yếu chỉ làm dịch vụ cung cấp đầu vào và thủy lợi thì tổ chức lại thành các HTX dịch vụ (bộ máy gọn nhẹ). Cần nghiên cứu cơ chế quản lý cơ sở hạ tầng theo hướng giao cho chính quyền địa phương quản lý cơ sở hạ tầng, các HTX đấu thầu cung cấp dịch vụ.

- Có quy định cụ thể về phân chia lợi nhuận sau thuế. Cụ thể, sửa đổi Thông tư 193 theo hướng quy định cụ thể là các HTX phải dành hơn 50% [[16]](#footnote-16)tổng lãi sau thuế và sau khi đã trích lập các Quỹ theo điều lệ HTX để phân chia theo mức độ sử dụng dịch vụ hoặc lao động. Phần còn lại mới được phân chia theo vốn đóng góp. Quy định như vậy tạo thuận lợi hơn cho các HTX khi xây dựng phương án phân chia lợi nhuận và hạn chế việc lợi dụng danh nghĩa HTX để hoạt động như doanh nghiệp.

- Để thúc đẩy việc chuyển đổi, đăng kí lại các HTX NLNN, các địa phương cần có chương trình hành động cụ thể và lập tổ tư vấn hỗ trợ các HTX chuyển đổi, đăng kí lại.

- Cần có nghiên cứu đánh giá việc triển khai, hiệu quả của việc thực hiện Luật HTX 2012 để làm rõ những bất cập hiện hành và có kiến nghị sửa đổi cụ thể.

* ***Đối với các HTX không đủ điều kiện chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật HTX 2012:***

Có khoảng 9,75% HTX trong NLNN của cả nước thuộc nhóm này.

- Lập tổ công tác để xử lý các HTX hoạt động yếu kém và cho phá sản. Phân loại và xây dựng phương án cho các HTX tự giải thể theo hình thức tự nguyện, hoặc cần phải giải thể bắt buộc.

- Nhà nước hỗ trợ xử lý khoản nợ tồn đọng của HTX để HTX có thể giải thể được theo quy định của pháp luật.

- Ban hành tài liệu hướng dẫn HTX thực hiện các bước để thực hiện phá sản,.

- Ban hành văn bản hướng dẫn định giá tài sản, phương án xử lý tài sản, xử lý nợ của HTX trong trường hợp HTX chuyển đổi, phá sản.

**b. Chính sách, giải pháp hỗ trợ bồi dưỡng, đào tạo năng lực quản lý HTX**

* ***Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý của HTX***

- Đào tạo và cấp chứng chỉ nghề sơ cấp về quản lý HTX cho cán bộ HTX NLNN. Nội dung đào tạo gồm: quy định pháp luật về HTX; chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX; kỹ năng quản trị HTX; quản lý tài chính HTX; Kỹ năng thị trường; xây dựng phương án SXKD của HTX,…. Việc đào tạo này được lồng ghép trong chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956 của Thủ tướng chính phủ năm 2009. Hỗ trợ 100% chi phí cho khóa đào tạo này, bao gồm cả học phí, đi lại, ăn ở và tài liệu.

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho lãnh đạo và cán bộ nghiệp vụ của hợp tác xã nông nghiệp. Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng máy tính và tìm kiếm thông tin trên mạng internet,…

- Hỗ trợ đào tạo cán bộ kỹ thuật cho HTX nhằm nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ cho thành viên viên và cộng đồng. Ví dụ, hỗ trợ đào tạo cán bộ thú y, BVTV, thủy nông, điện, nước,…

- Hỗ trợ các HTX thuê giám đốc HTX, cán bộ kỹ thuật của HTX trong thời gian 3 năm.

- Các địa phương có thể cử cán bộ đến làm việc và hỗ trợ HTX trong một thời gian. Cho phép cán bộ khuyến nông cơ sở tham gia cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động của HTX.

- Hỗ trợ kiểm toán nội bộ HTX: i) Hỗ trợ, hướng dẫn để HTX tự tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; ii) Hỗ trợ thuê các cơ quan bên ngoài giúp kiểm toán nội bộ HTX. Thực hiện kiểm toán nội bộ HTX giúp HTX hoạch toán đúng kết quả hoạt động kinh doanh dịch vụ để báo cáo các khoản thuế được miễn, giảm theo quy định.

- Các địa phương hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn để hỗ trợ các HTX hoạt động trong thời gian 1-2 năm.

Các nội dung trên cần được quy định, hướng dẫn cụ thể trong Nghị định và Thông tư.

* ***Hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động cho HTX***

- Tổ chức và hỗ trợ 100% kinh phí cho tất cả các HTX thực hiện kiểm toán trong 3 năm liền. Cần có dự án để hỗ trợ các HTX trong NLNN.

- Giao cho HTX thực hiện một số dịch vụ công nông nghiệp nông thôn: thú y, BVTV, vệ sinh môi trường, nước sạch,...

- Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ HTX phát triển các hoạt động mới.

- Giao cho HTX quản lý cộng đồng các nguồn lực sản xuất như mặt nước, rừng,…

- Chính phủ dành vốn Trung ương để hỗ trợ các tỉnh đẩy mạnh việc thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp liên kết với HTX theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

### 4.3.2.2. Hoàn thiện một số chính sách đối với hoạt động SXKD của HTX NLNN

**a. Chính sách hỗ trợ HTX NLNN xây dựng thương hiệu, chứng nhận chất lượng sản phẩm**

- Hỗ trợ 100% kinh phí để HTX đăng bạ chứng nhận nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm của HTX, cho HTX đăng kí sử dụng chứng nhận chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm của HTX. Hỗ trợ kinh phí cho HTX in nhãn mác, bao bì nhằm thương mại hóa sản phẩm có chứng nhận; ưu tiên hỗ trợ HTX tham gia các chương trình quảng bá, hội chợ giới thiệu sản phẩm.

- Hỗ trợ HTX áp dụng quy trình thực hành canh tác tốt/bền vững và được cấp chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, UTZ, 4C, Rainforest Alliances, SFC, Bio (hữu cơ), VietFAIR (thương mại công bằng),…

- Hỗ trợ HTX áp dụng hệ thống truy gốc nguồn gốc sản phẩm.

**b. Chính sách đối với hoạt động trồng trọt của HTX**

- Hỗ trợ 100% chi phí áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt trong trồng trọt an toàn (VietGAP và các tiêu chuẩn khác: GlobalGAP,......) bao gồm cả chi phí chứng nhận hoặc các tiêu chuẩn tương tự trong trồng trọt.

- Hỗ trợ một lần tối đa 30% (Xem xét có thể nâng cao 50% vì vì chi phí xây dựng cơ sở chế biến lớn) chi phí đầu tư cơ sở sơ chế biến rau củ, quả tập trung; 50% chí phí xây dựng công trình và thiết bị xử lý chất thải chế biến tập trung.

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí xây dựng kho và thiết bị để bảo quản nông sản tập trung.

- Hỗ trợ HTX tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ thực vật cho thành viên: hỗ trợ kinh phí mua máy phun thuốc BVTV, dụng cụ phòng hộ lao động và bảo quản thuốc;

- Hỗ trợ HTX tổ chức cung cấp dịch vụ làm đất, gieo sạ, thu hoạch cho thành viên: kinh phí mua máy móc phục vụ làm đất, thu hoạch;

- Hỗ trợ HTX tổ chức bảo quản sản phẩm cho thành viên: chi phí máy móc làm lạnh, xây dựng kho;

- Hỗ trợ HTX tổ chức sơ chế, sấy khô, chế biến sản phẩm cho thành viên: chi phí mua máy móc phục vụ sơ chế, sấy khô, chế biến.

- Hỗ trợ HTX xây dựng cánh đồng lớn gắn với liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: hỗ trợ kinh phí tuyên truyền vận động dồn điền đổi thửa đất; kinh phí thực hiện dồn điền đổi thửa đất; kinh phí cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền, đổi thửa; hỗ trợ kinh phí thuê đất của các hộ không phải thành viên HTX; hỗ trợ kinh phí xây dựng đường giao thông, đường điện đến bờ rào khu sản xuất tập trung.

- Hỗ trợ không quá 80% chi phí về cải tạo đồng ruộng, hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trong thực hiện dự án cánh đồng lớn.

**c. Chính sách đối với hoạt động chăn nuôi của HTX**

- Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện xây dựng và chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh, vùng an toàn dịch bệnh.

- Hỗ trợ tối thiểu 50% chi phí xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc và chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm của hợp tác xã;

- Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư cơ sở giết mổ tập trung; 50% chi phí xây dựng công trình và thiết bị xử lý chất thải chăn nuôi tập trung.

- Hỗ trợ HTX tổ chức cung cấp dịch vụ thú y, khử trùng, vệ sinh môi trường chăn nuôi cho thành viên: hỗ trợ kinh phí mua máy phun thuốc khử trùng, dụng cụ thú y, bình lạnh bảo quản vắc xin, máy móc phục vụ vệ sinh môi trường chăn nuôi, dụng cụ phòng hộ lao động và bảo quản thuốc;

- Hỗ trợ HTX tổ chức cung cấp dịch vụ thụ tinh nhân tạo gia súc gia cầm cho thành viên: hỗ trợ kinh phí mua bình lạnh bảo quản tinh, dụng cụ thụ tinh, tinh giống chất lượng cao, có chứng nhận theo quy định.

- Hỗ trợ HTX tổ chức giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi cho thành viên: hỗ trợ kinh phí xây dựng lò mổ, khu chế biến (máy móc, nhà xưởng), giao hoặc cho thuê đất để xây dựng khu giết mổ, chế biến;

- Hỗ trợ HTX tổ chức, quản lý khu chăn nuôi tập trung an toàn dịch bệnh và áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho các thành viên: chi phí xây dựng đường giao thông, đường điện, xử lý môi trường đến bờ rào khu sản xuất tập trung; chi phí xây dựng khu xử lý vệ sinh môi trường tập trung bên trong khu chăn nuôi tập trung; chi phí để giải phóng, san lấp mặt bằng; chi phí tập huấn hướng dẫn thành viên áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt; phí chứng chỉ thực hành quy trình thực hành chăn nuôi tốt trong 3 năm; chi phí vắc xin, thuốc khử trùng vệ sinh môi trường chăn nuôi trong một số năm; tinh giống chất lượng cao; chi phí máy phối trộn thức ăn, máy cắt cỏ, máy vắt sữa.

**d. Chính sách đối với hoạt động lâm nghiệp của HTX**

- Hỗ trợ tối thiểu 40% kinh phí xây dựng chòi canh, mua máy móc, thiết bị và công cụ phòng cháy chữa cháy rừng.

Hỗ trợ xây dựng đường lâm nghiệp cho khu vực trồng rừng nguyên liệu tập trung của hợp tác xã có diện tích từ 1.000 ha trở lên, chưa có đường ô tô vận chuyển sản phẩm gỗ rừng trồng, mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/km;

- Hỗ trợ xây dựng đường ranh cản lửa phòng chống cháy rừng kết hợp với vận chuyển cây giống, vật tư trong khu vực trồng rừng sản xuất với định mức 15 - 20 mét đường/ha, mức hỗ trợ đầu tư 35 triệu đồng/km; Tổng kinh phí hỗ trợ tối thiểu 40% kinh phí đầu tư;

- Hỗ trợ một lần 100% chi phí thực hiện các quy trình để được cấp chứng chỉ quản lý rừng trồng bền vững là rừng sản xuất.

**đ. Chính sách đối với hoạt động NTTS của HTX**

- Hỗ trợ tối thiểu 30% chi phí đầu tư cho lồng bè của hợp tác xã nuôi trồng thủy sản tập trung trên biển,;

- Hỗ trợ 50% chí phí xây dựng công trình và thiết bị xử lý chất thải chế biến tập trung

- Hỗ trợ HTX tổ chức thu mua, chế biến sản phẩm cho thành viên: được quỹ phát triển HTX bảo lãnh và hỗ trợ 50% tiền lãi tín dụng cho số vốn vay đầu tư phương tiện vận chuyển, bảo quản sản phẩm và máy móc, nhà xưởng chế biến;

- Hỗ trợ HTX tổ chức cung cấp dịch vụ thú y, khử trùng, vệ sinh ao nuôi cho thành viên: chi phí mua máy phun thuốc khử trùng, dụng cụ thú y, máy móc phục vụ vệ sinh môi trường ao nuôi, dụng cụ phòng hộ lao động và bảo quản thuốc;

- Hỗ trợ HTX tổ chức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp và tổ chức áp dụng quy trình thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP) cho thành viên: hỗ trợ chhi phí tổ chức đào tạo, tập huấn cho hộ thành viên; hỗ trợ phí sử dụng chứng nhận chất lượng sản phẩm theo quy trình trong 3 năm; hỗ trợ chi phí mua máy phun thuốc khủ trùng ao nuôi, dụng cụ thú y, máy móc phục vụ vệ sinh ao nuôi và dụng cụ bảo quản hóa chất khủ trùng, thuốc thú y; hỗ trợ chi phí thuốc khủ trùng ao nuôi trong một số năm; hỗ trợ chi phí thuốc thú y trong thời gian 2 năm; Hỗ trợ tiền lương cơ bản trong 3 năm cho HTX thuê 01 cán bộ kỹ thuật nuôi trồng thủy sản; Bảo lãnh tín dụng cho HTX vay vốn của TCTD và hỗ trợ 50% tiền lãi tín dụng trong thời gian 3 năm.

- Hỗ trợ HTX tổ chức, quản lý khu nuôi trồng thủy sản tập trung và áp dụng quy trình thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGap, GlobalGAP,…) cho các thành viên: hỗ trợ chi phí xây dựng đường giao thông, đường điện, hệ thống cung cấp và thoát nước, công trình xử lý môi trường đến bờ rào khu nuôi trồng tập trung; hỗ trợ chi phí xây dựng hệ thống cung cấp và thoát nước nội khu nuôi trồng thủy sản tập trung; hỗ trợ chi phí thực hiện dồn điển đổi thửa đất, kinh phí cấp lại chứng nhận quyền sử dụng đất trong khu nuôi trồng tập trung; hỗ trợ chi phí san lấp đồng ruộng; hỗ trợ chi phí mua máy phun thuốc khủ trùng ao nuôi, dụng cụ thú y, máy móc phục vụ vệ sinh ao nuôi và dụng cụ bảo quản hóa chất khủ trùng, thuốc thú y; hỗ trợ chi phí thuốc khử trùng ao nuôi trong một số năm; hỗ trợ chi phí thuốc thú y trong một số năm; Hỗ trợ tiền lương cơ bản trong 3 năm cho HTX thuê 01 cán bộ kỹ thuật nuôi trồng thủy sản; Bảo lãnh tín dụng cho HTX vay vốn của TCTD và hỗ trợ 50% tiền lãi tín dụng trong thời gian 3 năm; Hỗ trợ chi phí HTX thuê diện tích mặt nước của các hộ không phải là thành viên để tổ chức sản xuất tập trung.

**e. Chính sách đối với hoạt động khai thác thủy sản của HTX**

- Hỗ trợ một lần 100% chi phí mua: 01 máy thông tin liên lạc tích hợp định vị tầm xa cho tầu mẹ, 01 máy tầm trung cho mỗi tầu đánh bắt và dịch vụ hậu cần; 01 phương tiện thiết bị dò cá cho mỗi hợp tác xã đánh bắt.

- Hỗ trợ 50% chi phí hiện đại hóa thiết bị bảo quản trên tàu cá;

- Hỗ trợ 50% chí phí xây dựng công trình và thiết bị xử lý chất thải chế biến tập trung;

- Hỗ trợ HTX tổ chức dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển:

+) Nhà nước giao hoặc giảm chi phí cho thuê đất dài hạn để xây dựng kho hậu cần của HTX (đất làm cây xăng, đất xây xưởng chế đá cây, đóng nước ngọt, xây kho lạnh,…). Trong trường hợp không có đất để cấp hoặc cho thuê, ngân nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí để HTX tự thuê đất.

+) Quỹ phát triển HTX bảo lãnh tín dụng để vay vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tàu, trang thiết bị phục vụ dịch vụ hậu cần nghề cá và hỗ trợ 50% lãi suất vay vốn tổ chức tín dụng trong thời hạn 3 năm cho số vốn vay đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ dịch vụ hậu cần nghề cá. Tuy nhiên, số tiền hỗ trợ lãi xuất không quá 1 tỷ đồng cho 1 hợp tác xã.

+) Được ưu tiên vay vốn từ các quỹ, các chương trình tín dụng hỗ trợ của nhà nước.

**f. Chính sách đối với hoạt động diêm nghiệp của HTX**

- Hỗ trợ một lần theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt tối thiểu 50% kinh phí cải tạo đồng muối, hoàn thiện hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng, công trình điện hạ thế phục vụ sản xuất tập trung.

- Hỗ trợ một lần 30 % chi phí đầu tư xưởng chế biến muối tập trung;

- Hỗ trợ một lần 50% chi phí xây dựng kho và thiết bị để bảo quản muối tập trung

- Hỗ trợ HTX ứng dụng vật liệu mới để làm nền ô kết tinh muối.

**g. Chính sách hỗ trợ hoạt động thủy lợi của HTX**

- Hỗ trợ HTX làm dịch vụ thủy nông (tưới, tiêu) một phần lãi xuất trong thời hạn tối đa 5 năm để mua máy bơm, xây dựng công trình thủy nông.

## 4.3.3. Hoàn thiện công tác QLNN nhằm phát triển HTX trong NLNN

### 4.3.3.1. Củng cố bộ máy quản lý nhà nước về HTX nông nghiệp

i. Cần có quy định thống nhất bộ máy quản lý nhà nước về HTX NLNN trên phạm vi cả nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, theo hướng.

* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với hợp tác nông nghiệp trên địa bàn tỉnh;
* Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế) là cơ quan chủ trì giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước đối với hợp tác nông nghiệp trên địa bàn quận/huyện.
* Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn xã.

ii. Phân định rõ nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa Bộ KĐ&ĐT và Bộ NN&PTNT đối với HTX nông nghiệp. Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước ở mỗi cấp ở địa phương (tỉnh, huyện, xã);

iii. Bộ NN&PTNT làm các chức năng quản lý nhà nước về HTX nông lâm ngư nghiệp trên các nội dung sau:

* Chủ trì tham mưu xây dựng các chiến lược, cơ chế chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển hợp tác xã nông nghiệp;
* Chủ trì tham mưu, ban hành các văn bản pháp luật có liên quan đến HTX NLNN;
* Phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật có liên quan đến HTX NLNN;
* Tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với HTX NLNN;
* Chỉ đạo xây dựng mô hình điểm về HTX NLNN và nhân rộng các mô hình HTX hiệu quả;
* Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về HTX NLNN;
* Chủ trì xây dựng chỉ tiêu, hệ thống theo dõi đánh giá sự phát triển, hiệu quả của HTX nông nghiệp. Báo cáo theo định kỳ về HTX NLNN trên phạm vi toàn quốc.

iv. Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và PTNT có nhiệm vụ hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp trên các nội dung sau:

* Hỗ trợ thành lập mới HTX nông nghiệp;
* Hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý HTX nông nghiệp;
* Hỗ trợ nâng cao năng lực HTX nông nghiệp trên các khía cạnh: xây dựng thương hiệu, quản lý chất lượng, cung cấp dịch vụ.

v. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước về HTX nông nghiệp

* Đào tạo quản lý HTX nông nghiệp cho cán bộ quản lý nhà nước về HTX.
* Hàng năm tổ chức tập huấn nâng cao trình độ về chính sách phát triển HTX cho cán bộ quản lý nhà nước đối với HTX nông nghiệp ở các cấp.

### 4.3.3.2. Nâng cao vai trò trách nhiệm của chính quyền địa phương

i. Quy định các địa phương phải xây dựng chương trình hành động 5 năm và hàng năm hỗ trợ phát triển HTX NLNN;

ii. Tổ chức tuyên truyền làm thay đổi nhận thức của chính quyền, các cơ quan quản lý nhà nước về vai trò của HTX. Tuyên truyền thông qua các phương tiện truyền thông. Xây dựng tài liệu giới thiệu nguyên tắc hoạt động HTX và chính sách của nhà nước đối với HTX nông nghiệp cho chính quyền cơ sở. Tài liệu và nội dung tuyên truyền cần làm thay đổi nhận thức về các nội dung sau:

* Tôn trọng vai trò HTX là tổ chức kinh tế hợp tác, độc lập, tự chủ và tự nguyện. Chính quyền hỗ trợ nhưng không can thiệp hành chính trực tiếp vào tổ chức, hoạt động, quản lý của HTX.
* HTX phải cạnh tranh bình đẳng với các tác nhân khác. HTX chỉ làm các việc có lợi thế cạnh tranh hơn so với doanh nghiệp và hộ cá thể.
* HTX không phải là mô hình phù hợp với tất cả hộ nông dân, các hệ thống sản xuất. Khảo sát thực tế cho thấy nhiều hộ dân có thu nhập từ nông nghiệp chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng thu nhập của hộ đã không quan tâm đến việc tham gia HTX.
* Nhà nước ưu đãi, hỗ trợ HTX theo dịch vụ HTX cung cấp cho thành viên , cho cộng đồng, chứ không phải vì tên là HTX. Ví dụ, nhà nước ưu đãi cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tưới nước, bảo vệ thực vật, thú y, nước sạch, vệ sinh nông thôn. Nếu DN tham gia cung cấp các dịch vụ này thì cũng được hưởng ưu đãi.

### 4.3.3.3. Thiết lập hệ thống theo dõi đánh giá và hỗ trợ HTX NLNN

- Xây dựng thống nhất bộ chỉ số phản ánh hiện trạng hoạt động HTX để tất cả các HTX NLNN báo cáo hàng năm.

- Thiết lập một mạng lưới các HTX đại diện điển hình cho mỗi địa bàn giám sát tinh hình phát triển, hoạt động của HTX NLNN. Đây là hệ thống thu thập thông tin chủ động, có bộ phận chuyên trách về theo dõi tinh hình phát triển HTX, tương tác trực tiếp với các Giám đốc/Chủ nhiệm HTX để trao đổi và thu thập thông tin. Mạng lưới này sẽ có các chỉ tiêu thông tin phản ánh chi tiết năng lực, tổ chức, hoạt động, hiệu quả của HTX.

- Hệ thống này cũng là nơi nhận đề nghị hỗ trợ của HTX. Trên cơ sở đề nghị hỗ trợ của HTX, hệ thống sẽ hỗ trợ HTX kết nối với các cơ quan, nguồn thông tin có thể hỗ trợ theo nhu cầu HTX.

### 4.3.3.4. Giải pháp tuyên truyền, khen thưởng các HTX thành công, mô hình điển hình

- Tăng cường tuyên truyền các mô hình HTX thành công, điển hình trên các phương tiện truyền thông;

- Lập giải thưởng HTX nông nghiệp xuất sắc để trao thưởng hàng năm, làm động lực khuyến khích HTX NLNN phát triển.

# 4.4. Các điều kiện đảm bảo thực hiện thành công các chính sách và giải pháp đề xuất để phát triển HTX trong NLNN

Để thực hiện thành công các chính sách và giải pháp đề xuất trên cần đảm bảo các điều kiện sau:

- Thực hiện đồng bộ tất cả các chính sách và giải pháp đề xuất. HTX là một tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật, liên quan đến nhiều nội dung từ hoạt động, bộ máy quản lý, quản trị, quản lý tài chính, tài sản,…Một chính sách nào đó thiếu, hoặc không đồng bộ với các chính sách khác sẽ gây khó khăn cho phát triển HTX.

- Việc trước tiên cần làm là tuyen truyển để đảm bảo các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các cấp chính quyền và đặc biệt là thành viên HTX, ban quản lý HTX nhận thức đúng về vị trí, tư cách, phương thức hoạt động của HTX theo Luật 2012 khác với HTX hoạt động dưới thời cơ chế tập trung.

- Việc xây dựng các văn bản chính sách phải rõ ràng, dễ hiểu, đầy đủ.

- Các chính sách đưa ra phải dự trù được kinh phí triển khai chính sách và xác định rõ nguồn kinh phí từ đâu. Trong điều kiện hiện nay, phần lớn các tỉnh nhận hỗ trợ kinh phí từ Trung ương thì kinh phí hỗ trợ các HTX chủ yếu phải từ ngân sách Trung ương. Nhà nước bố trí đủ nguồn lực khi chính sách được phê duyệt.

- Kiên quyết thực hiện các chính sách đã ban hành. Thành lập Tổ chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể nói chung và HTX nói riêng.

# 4.5. Kiến nghị

## *4.5.1. Kiến nghị đối với Trung ương*

***- Chính phủ:***

Sửa đổi Nghị định 193 thề hướng dẫn thực hiện Luật HTX 2012 để phù hợp hơn với tình hình hiện tại, với bổ sung và cụ thể hóa nội dung đề xuất ở Chương III.

Ban hành Nghị định về chính sách đặc thù cho HTX hoạt động trong lĩnh vực NLNN: quy định cụ thể các loại hình HTX nông nghiệp, các loại hình dịch vụ hoạt động của HTX được hỗ trợ, địa bàn, và mức hỗ trợ.

***- Bộ Nông nghiệp và PTNT:***

+ Xây dựng thông tư hướng dẫn kiện toàn bộ máy QLNN về HTX NLNN ở địa phương.

+ Xây dựng Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ về chính sách khuyến khích HTX nông nghiệp, trong đó hướng dẫn chi tiết từng loại hình dịch vụ công ích để HTX được hưởng ưu đãi riêng và dịch vụ SXKD cần khuyến khích HTX phát triển.

+ Ban hành Thông tư hướng dẫn đánh giá hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp (các tiêu chí cụ thể, phương pháp dánh giá) để các tỉnh áp dụng đánh giá hàng năm.

***- Bộ Tài chính:***

Nghiên cứu xây dựng cơ chế tài chính để xử lý giải thể dứt điểm các trường hợp HTX đã phá sản nhưng chưa giải thể được.

## *4.5.2. Kiến nghị đối với địa phương*

- Tỉnh ủy các tỉnh cần xây dựng chương trình hành động, ra Nghị quyết chuyên đề về phát triển KTHT trong nông nghiệp; chỉ đạo UBND các tỉnh xây dựng đề án phát triển các hình thức tổ chức KTHT trong nông nghiệp của các địa phương.

- UBND chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện *“Đề án đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp”* theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT (Khung đề án theo hướng dẫn 710 của Bộ NN&PTNT). Để thực hiện tốt đề án này, Sở NN&PTNT các tỉnh cần chủ trì, tham mưu đề xuất UBND tỉnh ban hành các chính sách cụ thể hỗ trợ phát triển KTTT, trong đó có các HTX trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Sở NN&PTNT các tỉnh chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã trong tỉnh tham mưu với UBND tỉnh để củng cố chức năng QLNN về KTHT trong nông nghiệp đối với Phòng KTHT của Chi cục PTNT; củng cố bộ phận kinh tế hợp tác trong các Phòng nông nghiệp các huyện, thị xã trong tỉnh. Nội dung củng cố chức năng QLNN về KTHT trong nông nghiệp cần phân định rõ: (i) Chức năng nhiệm vụ QLNN về KTHT của các Chi cục PTNT, phòng NN và PTNT các huyện, thị xã; (ii) Đề xuất tăng biên chế cán bộ chuyên trách về KTHT trong nông nghiệp ở các bộ phận này; (iii) Giao nhiệm vụ cụ thể về QLNN đối với cán bộ được giao nhiệm vụ QLNN về HTX ở cấp huyện và cấp xã.

# KẾT LUẬN

# 1. Kết luận mục tiêu nghiên cứu 1

Trên thế giới cũng như trong nước, có nhiều nghiên cứu đánh giá về hiệu quả của HTX. Hoạt động HTX hiệu quả được coi như một tiêu chí đánh giá sự phát triển của HTX. Tuy nhiên, không có một phương pháp hay một bộ chỉ tiêu thống nhất để đánh giá hiệu quả của HTX. Điều này cũng xuất phát từ mục tiêu hoạt động của HTX khác nhau. Các nước có định nghĩa khác nhau về HTX, nghĩa là bản chất HTX khác nhau. Tuy nhiên, có thể nhóm thành 1 số nhóm chỉ tiêu hay được sử dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động HTX. Đó là: hiệu quả kinh tế của HTX (doanh thu, lợi nhuận, hiệu suất sử dụng vốn); hiệu quả phục vụ thành viên; và hiệu quả xã hội.

Ngoài ra, cũng chưa có một nghiên cứu nào chỉ ra là ở mức nào đối với các chỉ tiêu thì được coi là HTX hoạt động hiệu quả. Phần lớn các nghiên cứu mới chỉ so sánh hiệu quả giữa các HTX với nhau.

Từ thực tế định nghĩa HTX theo Luật HTX 2012, HTX là một tổ chức kinh tế độc lập tự chủ, có mục đích chủ yếu là phục vụ lợi ích của thành viên, nên chúng tôi đề xuất hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của HTX NLNN trên 3 phương diện: hiệu quả kinh tế của HTX; hiệu quả phục vụ thành viên HTX và hiệu quả xã hội của HTX. Các tiêu chí này được sử dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động HTX NLNN trong nghiên cứu này.

Hiệu quả hoạt động HTX là chỉ tiêu phản ánh chất lượng của phong trào phát triển HTX. Chất lượng hay là mức độ hiệu quả hoạt động của HTX là yếu tố chủ yếu phản ánh sự phát triển của HTX. Chính vì vậy, nghiên cứu này đã tập trung đánh giá hiệu quả của HTX và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động HTX. Ngoài ra, nhóm chỉ tiêu phản ánh về sự tăng số lượng HTX, số lượng thành viên HTX cũng được xem xét để đánh giá sự phát triển của HTX

Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã chỉ ra có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động HTX. Các yếu tố được nhóm thành 2 nhóm là nhóm yếu tố nội sinh và nhóm yếu tố ngoại sinh. Các yếu tố nội sinh có ảnh hưởng tích cực và quan trọng đến hoạt động HTX là năng lực của người lãnh đạo HTX và sự tham gia của thành viên, sự quản trị minh bạch, công khai của HTX. Yếu tố ngoại sinh có ảnh hưởng tích cực và quan trọng là sự hỗ trợ của các tổ chức phát triển và sự hỗ trợ của chính quyền nhà nước.

# 2. Kết luận mục tiêu nghiên cứu 2

Qua khảo sát cán bộ quản lý và thành viên của 64 HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp và trao đổi với nhiều cơ quan quản lý nhà nước về HTX NLNN ở các cấp, đề tài đã phân tích và rút ra một số kết luận sau.

**a) Về thực trạng hiệu quả hoạt động của các HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp**

Kết quả khảo sát 64 HTX NLNN cho thấy:

* Trong những năm qua, doanh thu của HTX có xu hướng tăng với tốc độ trung bình giai đoạn 2011-2013 là 4%/năm.
* Lợi nhuận trước thuế của HTX tăng trung bình 7,5%/năm; Lợi nhuận chia cho thành viên xã viên tăng 5,3%; Tỉ lệ lợi nhuận trước thuế/doanh thu tăng 3,0%/năm;
* Tỷ suất (%) lợi nhuận trước thuế của HTX/vốn chủ sở hữu năm 2013 là 6,9%.
* 86,6% hộ sử dụng sản phẩm, dịch vụ do HTX cung cấp. bình quân các HTX khảo sát cung ứng 69% giá trị sản phẩm, dịch vụ cho thành viên HTX so với tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ của HTX trong một năm. Khối lượng sản phẩm HTX tiêu thụ cho thành viên HTX chiếm 53,6% tổng khối lượng sản phẩm của HTX tiêu thụ trong một năm.
* 69% hộ thành viên cho biết HTX có giúp tăng thu nhập của hộ

Dựa trên 2 chỉ số là lợi nhuận/vốn chủ sở hữu và tỷ lệ SPDV cung ứng cho thành viên để đánh giá mức độ hiệu quả, các HTX được phân thành 4 kiểu sau:

* 6,1% HTX được xếp vào nhóm hoạt động hiệu quả.
* 26,6% HTX hoạt động trung bình. Nhóm này có tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu ở mức 0.42. Tuy nhiên, chỉ 27,15 giá trị SPDV của HTX là cung ứng cho thành viên.
* 39,1% HTX chủ yếu là phục vụ xã viên. 99,1% giá trị SPDV của HTX là cung ứng cho thành viên. Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu của nhóm HTX này gần như bằng 0.
* 28,1% HTX hoạt động yếu kém. HTX này gần như không hoạt động, cần phải giải thể.

**b) Mô hình HTX trong NLNN hoạt động hiệu quả**

HTX hoạt động hiệu quả là các HTX chuyên ngành được thành lập và hoạt động theo Luật HTX, có đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ cao đẳng, đại học, có tài sản và nguồn vốn lớn, và sự tham gia tích cực, đầy đủ của thành viên bằng việc các thành viên đóng đầy đủ vốn góp theo quy định.

**c) Khó khăn, vướng mắc của HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp trong tổ chức lại lại theo Luật HTX năm 2012**

Hiện nay, chưa đến 20% HTX NLNN tổ chức, đăng ký lại theo Luật HTX 2012. HTX NLNN gặp khó khăn trong tổ chức lại cho phù hợp với luật HTX 2012 do các nguyên nhân:

- Cán bộ được giao tư vấn, hướng dẫn HTX vẫn chưa được tập huấn, bồi dưỡng về trển khai Luật HTX 2012.

- Thiếu cán bộ hỗ trợ HTX tổ chức, đăng ký lại.

- Thiếu các văn bản hướng dẫn tổ chức lại HTX theo Luật 2012 về các vấn đề: tổ chức 2 bộ máy quản lí và điều hành, xác định lại tư cách thành viên HTX, xác định loại tài sản không chia của HTX, nguồn kinh phí thực hiện.

- HTX gặp khó khăn trong việc đáp ứng các điều kiện theo quy định trong Luật HTX 2012 về tỷ lệ ứng sản phẩm, dịch vụ cung ứng ra bên ngoài, tư cách thành viên, vốn góp của thành viên.

**d) Khó khăn trong giải thể HTX NLNN**

Có khoảng 20% HTX NLNN hoạt động cầm chừng, không hoạt động, gần như phá sản nhưng chưa làm thủ tục giải thể được do các nguyên nhân sau:

- Thiếu chính sách và hướng dẫn giải thể HTX, nhất là trường hợp giải thể bắt buộc.

*-* Vướng mắc ở ngay chính các HTX cần giải thể. Hầu hết các HTX phải giải thể là những HTX hoạt động yếu kém, thua lỗ kéo dài, nên (i) HTX không thu hồi được các khoản nợ cũ, thành viên không nhận lại được phần vốn góp vào HTX nên không muốn giải thể HTX; (ii) Các HTX không có đủ chứng từ sổ sách, không có kế toán nên không có căn cứ để xác định chủ nợ, con nợ, số nợ; (iii) Không thể tiến hành Đại hội thành viên để lấy tỷ lệ thành viên đồng ý giải thể theo như luật định; (iv) Một số thành viên có lợi ích riêng với việc HTX tồn tại (sử dụng tài sản, đất đai, trang thiết bị của HTX,…) nên không muốn giải thể.

**e) Yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp**

Sự phát triển HTX trong NLNN chịu ảnh hưởng cả yếu bộ bên trong (nội sinh) và yếu tố bên ngoài (ngoại sinh) HTX. Nghiên cứu làm rõ một số yếu tố sau có mối quan hệ ảnh hưởng đến sự phát triển HTX:

* Trình độ của cán bộ quản lý HTX. Các HTX hiệu quả cao là các HTX có tỉ lệ cao cán bộ quản lý có trình độ cao đẳng, đại học
* Hoạt động của HTX. Nhóm HTX hoạt động hiệu quả và nhóm HTX phục vụ tốt lợi ích cho thành viên có tỷ lệ HTX chuyên ngành cao nhất, lần lượt là 75% và 64%. Trong khi ở nhóm HTX hoạt động yếu kém, chỉ có 29% HTX chuyên ngành.
* Sự tham gia của thành viên.

+ Vốn góp của thành viên: các HTX có tỉ lệ thấp thành viên góp vốn như HTX diêm nghiệp, HTX kiểu cũ chuyển đổi là các HTX có doanh thu, lợi nhuận/thành viên thấp

+ Sử dụng dịch vụ của HTX. Các HTX hiệu quả cũng là các HTX cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thành viên, nhất là dịch vụ tiêu thụ sản phẩm cho thành viên.

* Tài sản và vốn của HTX. HTX có doanh thu cao là các HTX có tài sản và vốn lớn
* Sự quan tâm của chính quyền địa phương thông qua việc ban hành các chương trình, có chính sách cụ thể để hỗ trợ HTX

**f) Những bất cập trong tổ chức bộ máy QLNN đối với HTX trong NLNN hiện nay**

- Tổ chức bộ máy QLNN về HTX chưa được kiện toàn, thiếu sự thống nhất ở các địa phương, ở các cấp

- Có sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ QLNN giữa các cơ quan

- Cán bộ QLNN về HTX thiếu về số lượng, yếu về trình độ chuyên môn

- Nhận thức về HTX và nhiệm vụ QLNN về HTX của chính quyền địa phương còn hạn chế dẫn đến những can thiệp không phù hợp trong QLNN đối với HTX.

**g) Hạn chế, bất cập của các chính sách và giải pháp hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX trong nông, lâm, ngư nghiệp hiện nay?**

Nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ HTX NLNN đã được thực hiện. Nhiều HTX đã được hưởng các hỗ trợ từ các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước. Các chương trình đào tạo, tập huấn cho cán bộ HTX NLNN hàng năm đều được các địa phương thực hiện. Chính sách hỗ trợ của nhà nước nói chung có tác động tích cực đến sự phát triển HTX NLNN. Các địa phương có ban hành chương trình hành động phát triển HTX thì ở đó phong trào HTX phát triển mạnh. Tuy nhiên, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển HTX trong thời gian qua vẫn còn bất cập, chưa đáp ứng nhu cầu của HTX NLNN.

Một số văn bản chính sách hiện vẫn còn hiệu lực nhưng không có tính khả thi cao, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung làm rõ. Điển hình là chính sách ưu đãi đất đai cho HTX, chính sách ưu đãi tiếp cận tín dụng cho HTX, chính sách hỗ trợ HTX liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo hướng cánh đồng lớn,…

Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, khó theo dõi và tổng hợp. Điều này khiến nhiều HTX không nắm hết các chính sách hỗ trợ trong lĩnh vực hoạt động của mình.

Chính sách được ban hành nhưng thiếu giải pháp về nguồn lực để thực thi: 1) Thiếu nguồn lực về con người để thực hiện; 2) Thiếu nguồn lực về tài chính; 3) Chính sách phức tạp, luẩn quẩn,…

Nhiều chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp thời gian qua mang tính cào bằng, chưa ưu tiên khuyến khích HTX tham gia các dịch vụ cộng đồng (công ích). Thiếu chính sách đặc thù cho HTX trong NLNN, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy sự liên kết, tham gia HTX của các thành viên.

# 3. Kết luận mục tiêu nghiên cứu 3

**a) Phương hướng củng cố để tăng cường QLNN đối với HTX trong NLNN**

* Có quy định thống nhất bộ máy quản lý nhà nước về HTX NLNN trên phạm vi cả nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.
* Phân định rõ nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa Bộ KĐ&ĐT và Bộ NN&PTNT đối với HTX nông nghiệp. Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước ở mỗi cấp ở địa phương (tỉnh, huyện, xã).
* Bộ NN&PTNT làm các chức năng quản lý nhà nước về HTX nông lâm ngư nghiệp trên các nội dung sau: Chủ trì tham mưu xây dựng các chiến lược, cơ chế chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển hợp tác xã NLNN; Chủ trì tham mưu, ban hành các văn bản pháp luật có liên quan đến HTX NLNN; Phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật có liên quan đến HTX NLNN; Tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với HTX NLNN; Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về HTX NLNN; Chủ trì xây dựng chỉ tiêu, hệ thống theo dõi đánh giá sự phát triển, hiệu quả của HTX nông nghiệp. Báo cáo theo định kỳ về HTX NLNN trên phạm vi toàn quốc.
* Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước về HTX nông nghiệp ở các cấp.

**b) Chính sách và giải pháp cần hoàn thiên, bổ sung để phát triển HTX NLTS hoạt động hiệu quả**

Để phát triển HTX NLNN hoạt động hiệu quả cần hoàn thiện, bổ sung các chính sách sau:

* Củng cố bộ máy quản lý nhà nước về HTX NLNN theo hướng thống nhất bộ máy quản lý nhà nước về HTX ở các cấp, phân định rõ nhiệm vụ của các Bộ (KH&ĐT, NN&PTNT, Liên minh HTX VN) và ở các cấp, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước về HTX; Nâng cao vai trò trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc hỗ trợ HTX NLNN phát triển
* Xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá hoạt động HTX NLNN
* Hỗ trợ HTX chuyển đổi, giải thể theo đúng Luật HTX 2012. Cần phải có chính sách đột phá để giải quyết các HTX hoạt động kém hiệu quả, phá sản nhưng chưa giải thể được.
* Nâng cao năng lực cho HTX. Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý HTX; Hỗ trợ HTX phát triển các dịch vụ mới, giao cho HTX thực hiện một số dịch vụ công nông nghiệp; Tạo thuận lợi cho HTX tiếp cận tín dụng thông qua việc quy định cho phép sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay, sử dụng quyền sử dụng đất được giao để thế chấp, kiểm toán HTX; Có chính sách hỗ trợ HTX thuê đất, được giao đất để mở rộng quy mô sản xuất.
* Có chính sách đặc thù cho từng loại hình HTX: hỗ trợ HTX phát triển thương hiệu, áp dụng các quy trình sản xuất bền vững có chứng nhận chất lượng; Hỗ trợ HTX trong việc cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất cho thành viên và cộng đồng dân cư; Hỗ trợ HTX tham gia chuỗi liên kết giá trị.
* Tuyên truyền, khen thưởng các cá nhân, mô hình HTX điển hình để động viên phong trào HTX.

# 4. Hạn chế của nghiên cứu

Hạn chế của nghiên cứu là chưa phân tích, xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách và giải pháp phát triển HTX trong NLNN. Cụ thể là các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hoạch định, ban hành chính sách, và quá trình thực thi chính sách. Ngoài ra, nghiên cứu này mới chỉ nêu được các nguyên nhân HTX chưa giải thể, đăng ký lại theo Luật HTX 2012 cũng như gợi ý một số chính sách nhằm đây mảnh việc đăng ký lại theo Luật HTX. Nghiên cứu này chưa làm sâu làm rõ mỗi nguyên nhân đó có mức độ ảnh hưởng như thế nào, cũng như chi phí để thực hiện các giải pháp hoàn thành việc đăng ký lại HTX. Đây là một nội dung nghiên cứu cần được triển khai để có thể đưa ra căn cứ khoa học đầy đủ hơn nữa cho các giải pháp đăng ký lại HTX.

1. Trong số các HTX nông nghiệp cả nước hiện có 80% số HTX làm dịch vụ thuỷ lợi; 30% số HTX làm dịch vụ cung ứng vật tư, phân bón; 97% số HTX làm dịch vụ chuyển giao tiến tiến bộ kỹ thuật; 11% số HTX nông nghiệp làm dịch vụ điện; dịch vụ giống cây trồng 53%; dịch vụ làm đất bằng máy 20%; dịch vụ thú y 21%. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ý kiến phát biểu của doanh nghiệp tại hội thảo khoa học “Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong tiến trình tái cơ cấu kinh tế”, tổ chức ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Ban Kinh tế Trung ương, Bộ NN&PTNT, Bộ KH&ĐT, Liên minh HTX Việt Nam, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam. [↑](#footnote-ref-2)
3. Theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ trướng Chính phủ ngày 23 tháng 1 năm 2007 ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam. [↑](#footnote-ref-3)
4. Kinh tế phát triển, tập I, trang 15, Nhà xuất bản Thống kê, 1999. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tài liệu *Phong trào Hợp tác xã ở Việt Nam*, do GRET (Tổ chức chuyển giao công nghệ Pháp), được Ủy ban Chau Âu và Bộ Ngoại giao và châu Âu của Pháp tài trợ để thực hiện dự án AID-Coop, 2009. [↑](#footnote-ref-5)
6. <http://ica.coop/en/whats-co-op/co-operative-identity-values-principles> [↑](#footnote-ref-6)
7. Các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản được quy định trong Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg của Thủ trướng Chính phủ ngày 23/1/2007 ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt nam và Quyết định số 337/QĐ-BKH của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT ngày 10/4/2007 về việc ban hành Quy định nội dung hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam. Theo đó, trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có 57 mã ngành chi tiết ở cấp 5. [↑](#footnote-ref-7)
8. Ví dụ, một HTX được phân loại là trồng trọt nếu hoạt động chủ yếu của HTX liên quan đến lĩnh vực trồng trọt. [↑](#footnote-ref-8)
9. TS. Chu Tiến Quang, 2012. Vai trò và giải pháp nâng cao vai trò của hợp tác xã đối với xã viên trong nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam. [↑](#footnote-ref-9)
10. Trường hợp ít nhất là 1 người và trường hợp nhiều nhất là 9 người. [↑](#footnote-ref-10)
11. Báo cáo của Cục KTHT&PTNT, Bộ NN&PTNT năm 2014: 65% Chủ nhiệm HTX có trình độ cấp I và cấp II. [↑](#footnote-ref-11)
12. Tờ trình số 52/TTr-CP ngày 30/3/2012 về Dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi) của Chính phủ lên Ủy ban Thường vụ Quốc hội. [↑](#footnote-ref-12)
13. Việc xóa bổ nội dung HTX hoạt động như doanh nghiệp để tránh việc các cá nhân lợi dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho HTX để hưởng lợi, trong khi tổ chức không khác gì công ty. Đây là một nguyên nhân để sửa đổi định nghĩa về HTX trong Luật HTX 2012. [↑](#footnote-ref-13)
14. Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Luật Hợp tác xã và nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế hợp tác năm 2016 trong lĩnh vực nông nghiệp, ngày 02 tháng 3 năm 2016 [↑](#footnote-ref-14)
15. Theo quy định tại Điều 3, Nghị định 193, để trở thành thành viên HTX thì phải góp vốn điều lệ HTX. [↑](#footnote-ref-15)
16. Hiện tại Luật HTX 2012 quy định là HTX dành phần lớn lợi nhuận để chia theo việc sử dụng dịch vụ [↑](#footnote-ref-16)